

Bernard
Sesboüé s.j.

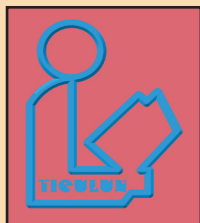


MẸ MARIA, ĐỨC TIN NÓI GÌ



**MẸ MARIA,
ĐỨC TIN NÓI GÌ**

BERNARD SESBOÛÉ



MỤC LỤC

Lời giới thiệu	4
1. Đức Trinh Nữ Maria tại Công đồng Vatican II và kể từ Công đồng	20
1.1. Bước ngoặt được thực hiện bởi Công đồng Vatican II	22
1.2. Từ «Thánh Mẫu học» đến «thần học Maria»	33
1.3. Can thiệp của Giáo hoàng	46
1.4. Sự tiến hóa lòng sùng kính phổ biến	52
2. Đức Maria trong kế hoạch của Thiên Chúa và sự hiệp thông của các thánh	58
2.1. Lịch sử tóm tắt của Nhóm Dombes	59
2.2. Phần đầu của văn bản : từ lịch sử đến Kinh thánh	68
2.3. Phần thứ hai của văn bản : tranh chấp liên tôn	73
Phân kết luận	86

Lời giới thiệu

Vài trang này không hề có ý định đề xuất một thần học Đức Mẹ có tổ chức và hoàn chỉnh. Chỉ với mục đích xem xét ngắn gọn những suy nghĩ hiện tại về Đức Trinh Nữ Maria, kể từ bước ngoặt tại Công đồng Vatican II, và đặt vào bối cảnh này những đóng góp cụ thể của Nhóm Đại kết Dombes đã trình bày một tài liệu chung về Đức Maria cho người Công giáo và Tin lành.

Chúng ta đừng bao giờ quên rằng, nếu Đức Trinh Nữ Maria là chủ đề giáo lý cơ bản trong thần học Công giáo và Chính thống giáo, thì Mẹ cũng là đối tượng của sự đầu tư cảm xúc rất mạnh mẽ, tích cực hay tiêu cực. Sự đầu tư này đôi khi gây ra một số sự phóng đại nguy hiểm giữa những người Công giáo, trong khi một hình thức khó chịu và khước từ vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay trong số nhiều tin hữu Tin Lành. Không phải là họ tức giận với chính Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, người mà họ sẵn sàng thừa nhận là một nhân vật quan trọng trong Kinh thánh, mà là họ phản ứng dựa trên sự nghi ngờ tự phát về «sự sùng bái Đức Mẹ» hay «sự tôn sùng thái quá Đức Mẹ» trong Giáo hội Công giáo. Khi nói về Đức Maria ngày nay, chúng ta phải tính đến cả tình hình mới, cả về giáo lý lẫn lòng đạo đức, và sự nhạy cảm của anh em Kitô hữu chúng ta. Họ có quyền mong

đợi chúng ta nói với họ về Đức Maria với sự tôn trọng hoàn toàn về sự nên công chính bởi ân sủng qua đức tin, và với sự tuyên xưng đầy đủ về tình trạng của Mẹ như một tạo vật được cứu rỗi bởi Đáng là Con của Mẹ, Chúa Kitô, Con Thiên Chúa. Đây là chủ đề của hai chương này.

Phần đầu tiên lấy điểm khởi đầu từ Công đồng Vatican II và hướng người đọc đến đầu thế kỷ 21. Người ta biết rằng Công đồng, trong quá trình tranh luận đôi khi đau đớn, đã quyết định không lập một văn kiện đặc biệt về Đức Trinh Nữ Maria, nhưng sẽ phát triển một thần học đúng đắn về Đức Mẹ Maria trong chương cuối cùng của hiến chế *Lumen Gentium* về Giáo hội, có tựa đề *Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, trong mầu nhiệm Đức Kitô và Giáo hội*. Lựa chọn này có mục tiêu rất rõ ràng: đưa Mẹ Maria trở về vị trí trong thân thể của Giáo hội, bởi vì nếu Mẹ là một thành viên nổi bật rõ ràng, thì Mẹ vẫn là thành viên và về cơ bản Mẹ chia sẻ vận mệnh của mình trong kế hoạch của Thiên Chúa. Nếu Mẹ được gọi là Mẹ của Giáo hội, thực tế vẫn là người mẹ của gia đình, rõ ràng là một thành viên trong gia đình. Sau đó, một bước ngoặt đã được thực hiện một cách sáng suốt, với chương rất Kinh thánh và rất tỉ mỉ này, để không nói bất cứ điều gì về Đức Trinh Nữ mà không có nền tảng sâu sắc trong Kinh thánh và giáo lý, và để luôn giúp

những người Kitô hữu tách khỏi Rôma hiểu thần học Công giáo về Đức Mẹ Maria một cách thực sự hơn.

Do đó, cần phải xem lại những cuộc tranh luận này và bước ngoặt đã diễn ra vào thời điểm đó. Người ta cũng cần phải nêu ra những định hướng của thần học về Đức Mẹ sau công đồng. Các nhà thần học có đi theo bước chân của định hướng không? Họ có phát hiện ra manh mối mới nào không ? Có khả năng cũng có một số sự thoái lui không ?

Chương thứ hai mô tả sự táo bạo mà Tập đoàn Dombes đã cho phép mình thực hiện sau nửa thế kỷ tồn tại. Trong bầu không khí suy tư thần học mới mẻ về phía Công giáo nhưng vẫn chưa hoàn toàn lắng dịu, Nhóm cho rằng việc đưa chủ đề về Đức Trinh Nữ Maria vào chương trình là điều được phép. Chỉ có một tài liệu cho đến lúc đó - của Mỹ - đã xem xét một chủ đề từ lâu được coi là quá nhạy cảm, nó ngăn cản đối thoại đại kết. Như vậy, công trình nghiên cứu sâu sắc này có thể diễn đạt, trong khuôn khổ lời tuyên xưng đức tin của Kitô giáo, tất cả những gì mà người Công giáo, Tin lành và Luther, người Pháp và người Thụy Sĩ, có thể cùng nhau nói về Đức Trinh Nữ Maria, trong một cách đọc lại vừa mang tính Kinh thánh vừa mang tính giáo lý. Nhưng cũng cần phải giải quyết một cuộc tranh

cải kéo dài hàng thế kỷ đã trở nên trầm trọng hơn bởi những định nghĩa gần đây của Công giáo về Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội và Đức Mẹ Hồn xác Lên trời. Với sự nghiêm ngặt và liêm chính, Nhóm muốn đánh giá bốn sự khác biệt lớn về vấn đề này và đề xuất trong một số trường hợp các giải pháp có cơ sở và táo bạo. Tài liệu này đã nhận được Giải thưởng René Laurentin do Khoa Thần học Giáo hoàng «Marinum», một học viện ở Rome chuyên về thần học Đức Mẹ, trao tặng. Điều này có nghĩa là văn bản đại kết này không hề theo bất kỳ con đường đáng ngờ nào.

Để giới thiệu về bản thân tài liệu, có vẻ như cần phải giới thiệu ngắn gọn về Nhóm Đại kết Dombes, được thành lập năm 1937 bởi Cha Couturier, người tiên phong vĩ đại của phong trào đại kết tại Lyon và của tuần cầu nguyện cho sự hiệp nhất các Kitô hữu : lịch sử và phương pháp hoạt động của nhóm sẽ được trình bày ngắn gọn tại đây.

Những mẫu vụn thần học ít ỏi này về truyền thống tôn kính Đức Mẹ Maria nhằm tôn vinh Đức Trinh Nữ Maria và giúp mọi người hiểu rõ hơn về vai trò của Mẹ trong đức tin Kitô giáo, đồng thời góp phần tạo nên con đường dẫn đến sự hiệp nhất giữa tất cả các Kitô hữu.

Phụ lục. Những trang sách này được viết vào năm 2003 cho một hội nghị được tổ chức tại Canada. Do đó, những trang này có trước cuốn sách gần đây của Jacques Duquesne, Marie (Plon, Paris, 2004) và rõ ràng không thể được coi là phản hồi cho cuốn sách này. Họ chỉ mang đến một giọng nói hoàn toàn khác biệt cho sự phản ánh về Đức Mẹ Maria đương đại. Vây thôi. Nhưng các chủ đề được đề cập rõ ràng có sự giao thoa - với những lựa chọn rất khác nhau - với luận đề của Jacques Duquesne. Vì vậy, tôi xin giải thích ngắn gọn.

Jacques Duquesne vẫn kiên trì và ký tên. Bất chấp nhiều lời chỉ trích về cuốn sách *Chúa Giêsu* của mình, ông vẫn cho chúng ta biết một cách rõ ràng và không mơ hồ rằng Chúa Giêsu được sinh ra từ cuộc hôn nhân bình thường giữa Thánh Giuse và Mẹ Maria và Mẹ là mẹ của một gia đình đông con. Nếu ông ta thiết lập đúng nguyên tắc phân biệt giữa lịch sử và đức tin, và tuyên bố đúng rằng không có sự đối lập giữa điều này và điều kia (tr. 12), ông không chỉ tách biệt chúng mà còn gần như quên mất hoàn toàn quan điểm về đức tin và sự gắn kết sâu sắc của những lời khẳng định khác nhau của nó. Theo tác giả, những lời trong Kinh Tin Kính vẫn giữ nguyên ý nghĩa đầy đủ, ngay cả khi rõ ràng là chúng mâu thuẫn với lịch sử. Khi trở thành nhà thần học, thỉnh thoảng Duquesne cũng phát hiện ra những

sự không tương thích đáng ngạc nhiên trong diễn ngôn về đức tin. Bất chấp tất cả sự đồng cảm mà tôi dành cho người mà tôi nhớ đã từng tranh luận công khai về *Chúa Giêsu*, điều này sẽ cho phép tôi đưa ra những suy tư phê phán của một nhà thần học luôn phản đối mọi hình thức thổi phồng Mẹ Maria, như cuốn sách này một lần nữa chứng minh.

1. Trước tiên chúng ta hãy nói đôi lời về *lịch sử*, mà không muốn kể hết toàn bộ tập tin. Theo đánh giá của tác giả, tôi muốn dùng những từ ngữ rất đơn giản và dễ hiểu, hoàn toàn không có «những trò nhào lộn trí tuệ mà một số [nhà thần học] nắm bí quyết» (trang 34). Liệu các tác giả truyền Tin Mừng Mát-thêu và Lu-ca có tin vào sự kiện thực tế việc trinh nữ thụ thai không? Thật khó để phủ nhận điều đó. Tại sao họ lại phát minh ra một ngôn ngữ trái ngược hoàn toàn với truyền thống Do Thái vốn coi trọng khả năng sinh sản trong hôn nhân và hầu như không đề cập đến giá trị của sự trinh tiết? Làm sao chúng ta có thể hiểu được sự lựa chọn một «biểu tượng» như vậy, vốn hoàn toàn trái ngược với sự thật?

Điều tương tự cũng đúng với Giáo hội cổ đại : Irénée hoàn toàn nhận thức được việc phải chiến đấu trên hai mặt trận, mặt trận của những người theo thuyết Ngộ

đạo Docetist phủ nhận bất kỳ nhân tính nào về thể xác của Chúa Giêsu và mặt trận của một số nhóm Do Thái hóa đã khẳng định ngay rằng Chúa Giêsu là hoa trái của sự kết hợp giữa Thánh Giuse và Mẹ Maria. Sự kiện này diễn ra vào thế kỷ thứ nhất, rất lâu trước khi đức trinh tiết được tôn vinh trong Giáo hội ¹. Thật dễ dàng biết bao khi hy sinh sự thụ thai đồng trinh để đổi lấy nhân tính đích thực của Đức Kitô. Irénée không muốn làm điều này và Giáo hội đã đi theo ông. Duquesne đơn phương tạo ra mối liên hệ giữa các huyền thoại ngoại giáo và chủ đề về sự thụ thai của trinh nữ. Nhưng điều đó không làm nổi bật sự khác biệt cơ bản giữa hai trường hợp : thực sự không có gì liên quan đến tình dục ở phía Kitô giáo ² ; và thậm chí ông không thấy được tại sao thực tế này lại là nguồn gốc của sự phản đối cơ bản đối với đức tin Kitô giáo vào thời điểm đó, gần như mạnh mẽ như Cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu.

1 Sai lầm ở đây là tin rằng những lời khẳng định này là kết quả của lòng tôn trọng đặc biệt đối với sự đồng trinh trong tâm lý Kitô giáo thời bấy giờ, trong khi ngược lại, chính sự đồng trinh của Mẹ Maria mới là nguồn gốc của lời ca ngợi sự đồng trinh trong Giáo hội cổ xưa.

2 Ngay cả khi ông trích dẫn nó thông qua miệng của Tryphon trong văn bản của Justin (trang 53).

Chúng ta hãy đến với sự đồng trình trọn đời của Đức Maria và các «anh chị em» của Chúa Giêsu. Đây là điểm thứ hai không có cùng tầm quan trọng như điểm trước. Theo góc nhìn lịch sử, tôi vẫn tin rằng bằng chứng về danh tính chính xác của những người anh em này (sinh ra từ cùng cha mẹ hoặc cùng họ hàng gần) là *không thể xác định được*, vì lý do là các thánh sử không mất công thông báo cho chúng ta một cách chính xác và các lập luận được đưa ra rất dễ dàng thay đổi. Niềm tin này được chia sẻ bởi một số nhà chú giải Kinh Thánh nghiêm túc (thậm chí một số người còn «nổi tiếng thế giới»). Do đó, J. Duquesne không dựa vào sự đồng thuận của các nhà sử học khi xác lập danh hiệu chiến thắng của mình là «Mẹ Maria, người mẹ của một gia đình đông con»³.

Thực tế là tiếng Hy Lạp phân biệt thuật ngữ anh em (*adelphos*) với thuật ngữ anh em họ (*anepsios*), trong khi tiếng Do Thái thì không, điều này không giải quyết được vấn đề mở rộng việc sử dụng thuật ngữ anh em này vào thời điểm đó.

3 Nếu tất cả những người được gọi là anh chị em của Chúa Giêsu trong Tin Mừng đều là con trai và con gái của Mẹ Maria, thì Mẹ sẽ có tám người con.

Ý nghĩa của gia đình hạt nhân rất hiện đại, so với quan niệm truyền thống về chế độ bào tộc. Trong mọi trường hợp, từ anh em được dùng trong Tin Mừng để chỉ tình anh em tâm linh, cho đến ngày nay vẫn được dùng trong một số cộng đồng tôn giáo, điều này cho thấy từ này phù hợp với cách chuyển nghĩa như vậy.

Cuối cùng, trước rất nhiều lời đề cập đến anh em của Chúa Giêsu, tại sao những người ở thế kỷ thứ 4 khẳng định, trong bối cảnh phản ánh đức tin, về sự đồng trinh trọn đời của Mẹ Maria, lại không thấy ở đây điều hoàn toàn không thể ? Jerome, một người am hiểu và dịch giả Kinh thánh giỏi, chắc chắn đã nghĩ ra những giải pháp khó chấp nhận. Nhưng ông cho rằng văn bản Tin Mừng không hề cấm ông nói về sự đồng trinh trọn đời liên quan đến Mẹ Maria.

Trong các lập luận của mình, J. Duquesne chứng minh sức mạnh khẳng định thực sự đáng kinh ngạc, được thúc đẩy bởi tài năng thực sự của ông như một người truyền bá tư tưởng. Thỉnh thoảng, ông viện dẫn điều hiển nhiên hoặc nhấn mạnh lý lẽ của mình bằng câu «Miễn bình luận» nhằm khiến bạn phải câm lặng. Nơi mà các học giả «nổi tiếng thế giới», những người mà ông thích đặt bài diễn thuyết của mình dưới họ, mạo hiểm đưa ra những giả thuyết, thường trái ngược nhau,

trong khuôn khổ của một cuộc đối thoại tự sửa chữa và hoàn thiện không ngừng, Duquesne tin rằng ông có lý khi đưa ra những kết luận quyết liệt nhất với một niềm vui nào đó, chắc chắn là vì chúng sẽ khiến những người Công giáo tội nghiệp tỉnh ngộ khỏi sự hèn hạ mà họ cố tình kích động. Ông không giúp họ đưa ra phán đoán mà đưa ra kết luận thay họ.

Cuốn sách của ông là thành quả của sự uyên bác thực sự (57 trang ghi chú cho 170 trang văn bản) và có thể tạo ra ảo ảnh. Nhưng điều này khá hơi hợt : tác giả lấy thông tin ở bất cứ nơi nào ông tìm thấy, mà không quan tâm quá nhiều đến bối cảnh hoặc ý kiến của tác giả mà ông trích dẫn. Trên thực tế, tác phẩm này là thành quả của một nửa khoa học, nghĩa là các lập luận được giữ lại và đề xuất đều đi theo cùng một hướng. Chúng ta có thể cảm nhận được lập luận của vị luật sư, người đã cẩn thận gạt bỏ mọi điều mâu thuẫn với luận điểm của mình và nêu bật mọi lập luận có lợi.

Tôi không muốn chỉ trích J. Duquesne vì đã viết một tác phẩm sao chép, vì đó là đặc điểm của một người phổ biến thông tin muốn truyền đạt. Nhưng tôi có quyền chỉ trích một số phương pháp của ông mà mắt thường có thể nhìn thấy : phương pháp hợp nhất, đặt trên cùng một lập trường những lời khẳng định đúng đắn về đức

tin liên quan đến Đức Mẹ Maria và vô số luận đề thần học hoặc những lời cường điệu ngoan đạo đã minh họa cho lịch sử. Để lấy một ví dụ, chủ đề «đồng công cứu chuộc» được chứa trong sách này một vị trí không cân xứng với thực tế của nó, với lý do là từ này đã được một số giáo hoàng sử dụng vào đầu thế kỷ 20. Sự đồng công cứu chuộc chưa bao giờ là một phần trong đức tin của Giáo hội, và Công đồng Vatican II dường như đã chấm dứt chủ đề này. Những sự kết hợp này cho thấy rằng sự phát triển của thần học về Đức Mẹ, về mặt lịch sử, không gì hơn là một bước trượt dài.

Một phương pháp khác là loại bỏ dữ liệu bất tiện và nghi ngờ có hệ thống. Bằng những chi tiết nhỏ liên tiếp, người đọc cảm thấy rằng những điều có vẻ chắc chắn lại không phải vậy và một sự thật tích cực về đức tin thực ra có thể gây tranh cãi hoặc phủ định. Chỉ lấy một ví dụ ở đây, câu thơ chính trong gia phả của Chúa Giêsu theo sách Thánh Mát-thêu, có nội dung ghi ở phần cuối của một sự kể vị hoàn toàn theo nam giới: «Gia-cóp sinh Giuse, chồng của Maria, người mà Chúa Giêsu được sinh ra...» (Mt 1.16), được coi một cách vui vẻ như là một «xoay tròn» (trang 41). Một cuốn sách nghiêm túc không nên cho phép mình có những tiện nghi như vậy. Tôi sẽ bỏ qua khuynh hướng giản lược các câu chuyện Tin Mừng thành những giai thoại được diễn giải theo

tâm lý học, lời chứng về nỗi ám ảnh tình dục của thời đại chúng ta, sự thử thách liên tục của Giáo hội và một số sai lầm.

2. Bây giờ chúng ta hãy nói đến quan điểm về đức tin. J. Duquesne cho chúng ta biết rằng ông tin chắc vào sự nhập thể của Chúa trong con người Giêsu và sự phục sinh của Đức Kitô : chúng ta phải thừa nhận điều này một cách tôn trọng. Nhưng liệu ông có nhận ra rằng nhiều lập luận của ông cũng có thể áp dụng như nhau cho hai khẳng định cơ bản này không ? Các cuộc biểu tình phản đối sự phục sinh vào những năm 1970 đã chứng minh rõ điều này. Liệu ông có nhận ra rằng việc thụ thai đồng trinh của Chúa Giêsu luôn được hiểu là một *dấu hiệu* - chứ không phải bằng chứng - về thiên tính của Chúa Giêsu và việc chối bỏ điều đó trong lịch sử chính là do những người chối bỏ sự nhập thể viện dẫn không ? Ông thừa nhận một cách đúng đắn rằng trong giáo lý chung, vai trò của Thánh Linh không phải là vai trò sinh sản mà là vai trò *sáng tạo*. Nhưng chỉ có vậy thôi. Sự thụ thai của Chúa Giêsu từ một trinh nữ là một sáng kiến sáng tạo.

Tôi gặp nhiều khó khăn - hoặc dễ dàng, nhưng tôi nhận ra rằng quan điểm này gây ra một sự dị ứng cụ thể trong thời đại chúng ta - trong việc tin vào sự thụ

thai trình nguyên này cũng như tin vào sự sáng tạo thế giới. Giống như con người, được tượng trưng trong Kinh thánh là Adam, được Thiên Chúa tạo ra từ ban đầu, thì dấu hiệu thụ thai từ trình nữ cho chúng ta biết rằng trong Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa làm người có Thiên Chúa là Cha, nhân loại đã được tái tạo cho một khởi đầu mới. Ở đây có một sự tương ứng có chủ ý : Adam, giống như Chúa Giêsu, không được sinh ra bởi một cuộc hôn nhân bình thường. Đây là lý do tại sao Duquesne đã nhầm lẫn khi ông tuyên bố : «Người ta khó có thể tin vào cả sự nhập thể và sự thụ thai bởi một trình nữ» (trang 58), và một cách quyết đoán : «Để Chúa Giêsu trở thành một «người đích thực», điều cần thiết là Người phải được sinh ra từ một người cha và một người mẹ là người trong một mối quan hệ tình dục bình thường» (ibid.). Bằng toàn bộ cuộc sống của mình, Chúa Giêsu đã chứng tỏ Người chia sẻ thân phận con người trong mọi sự, kể cả cái chết, ngoại trừ tội lỗi. Điều này đủ để chứng minh tính nhân đạo của Người, mà không cần đặt ra những điều kiện tiên quyết cho Chúa về cách Người phải nhập thể.

Ở cấp độ sáng tạo này, sự thụ thai từ trình nữ là không thể biểu diễn được và di truyền học, hiện đại hay cổ đại, không liên quan gì đến nó. Câu hỏi về sinh học được đặt ra ở đây; nó không phải là về DNA hay tinh trùng, mà

là về sự sáng tạo của Thiên Chúa. Và hãy để Duquesne ngừng phản đối ở đây, trong sự mâu thuẫn hoàn toàn, cụm từ «sinh ra chứ không phải được tạo ra» trong biểu tượng Nicea-Constantinople. Trình tự này liên quan đến sự ra đời vĩnh cửu của Chúa Con chứ không phải sự ra đời tạm thời của Người. Nếu Ngôi Lời đã trở thành con người, thì rõ ràng là Người đã trở thành một tạo vật, nhưng vẫn không ngừng là Ngôi Lời của Thiên Chúa. Vì Duquesne ở đây đã viện dẫn một công thức rất thích hợp từ nhà thần học Joseph Ratzinger, khẳng định rằng thiên tính của Chúa Giêsu không phụ thuộc vào sự thụ thai đồng trinh (vì nó dựa trên sự sinh ra vĩnh cửu của Ngôi Lời), tôi sẽ trích dẫn một câu khác của cùng tác giả, xuất hiện hai trang sau : vào thời điểm mà chúng ta không còn có thể quan niệm được tinh thần của con người ngoại trừ việc nhập thể, «người ta cố gắng cứu vãn đức tin bằng cách giải thể nó hoàn toàn, bằng cách ản nấu trong một lĩnh vực ‘ý nghĩa’ đơn giản, của sự giải thích thuần túy tự nó đã đủ, và dường như chỉ có sự thiếu thực tế mới loại bỏ được sự chỉ trích ⁴».

Sự đồng trinh trọn đời của Đức Maria rõ ràng không cùng cấp độ và không có cùng tầm quan trọng liên quan đến mầu nhiệm này. Theo trật tự đức tin, nó diễn tả món quà trọn vẹn và độc nhất của Đức Trinh Nữ Maria dành

4 Đức tin Kitô giáo hôm qua và hôm nay, Mame, 1969, tr. 195.

cho Chúa Con. Là Mẹ Đồng Trinh của Thiên Chúa, Đức Maria vẫn là một Người Mẹ trọn đời đồng trinh. Chúng ta hãy nghiêm túc mà nói : nếu chứng minh được rằng Đức Maria là mẹ của một gia đình đông con, thì phụng vụ thiên niên kỷ của Giáo hội có thể tiếp tục tôn vinh Mẹ là «trinh nữ» và «trọn đời đồng trinh» không? Duquesne cũng tin rằng «người ta không thể vừa ca ngợi lời ‘xin vâng’ của Mẹ Maria với Thiên thần Gabriel vừa tin vào Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội» (trang 34). Nhưng sau đó Chúa Giêsu đã vâng lời Chúa Cha cho đến cái chết trên thập tự giá cũng vô giá trị khi Chúa Giêsu không tham gia vào tội lỗi của chúng ta ? Có phải làm trò nhào lộn trí tuệ khi nói như vậy chăng ?

Đức tin Kitô giáo là một «mầu nhiệm», nghĩa là nó công bố cho chúng ta biết sự can thiệp siêu việt của Thiên Chúa vào thế giới của chúng ta. Với sự nhập thể và phục sinh, có một cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và nhân loại. Cuộc gặp gỡ này là sáng kiến của Chúa, tự do và không thể đại diện từ phía Người, nhưng nó diễn ra trong không gian-thời gian của chúng ta và từ khoảnh khắc đó trở đi nó là đối tượng của mọi nghiên cứu của con người. Nhưng khoảnh khắc gặp gỡ, có thể phân tích được trong phần sau của sự nhập thể hoặc trong phần trước của sự phục sinh, không còn có thể phân tích được trong khía cạnh thiêng liêng của nó mà chúng

ta vẫn không thể tiếp cận được. Đây là lý do tại sao cũng có «mầu nhiệm của Đức Mẹ Maria», theo cách diễn đạt của Yves de Montcheuil, bởi vì Đức Mẹ Maria liên quan rất chặt chẽ đến mầu nhiệm của Đức Kitô. Thế hệ chúng ta vẫn chấp nhận diễn ngôn về đức tin, nhưng với điều kiện là nó không chạm đến thực tế kinh nghiệm của chúng ta. Đây là khu bảo tồn tư nhân ! Khi Thiên Chúa đến gần con người theo cách cảm động, thế gian này cáo buộc con người có lỗi sống buông thả.

Để kết luận, chúng ta có thể nói rằng cuốn sách của Jacques Duquesne là một phúc âm nguy thư về Mẹ Maria. Từ các phúc âm nguy thư, ông có khía cạnh cảm động nhằm lấp đầy những khoảng trống trong các câu chuyện Tin Mừng. Tôi biết rằng J. Duquesne đồng tình với những câu hỏi mà nhiều người Công giáo đang thắc mắc ngày nay và tôi tin rằng tất cả những điểm này cần được giải thích chi tiết hơn để giải đáp những khó khăn trong đức tin của họ. Nhưng Duquesne đưa ra những giải pháp quá dễ dàng, quá phù hợp với hệ tư tưởng của chúng ta nên không thể coi là công bằng.

1. Đức Trinh Nữ Maria tại Công đồng Vatican II và kể từ Công đồng

Đầu Công đồng Vatican II, Cha René Laurentin đã nêu ra một quan điểm khá ấn tượng về những căng thẳng thần học liên quan đến Đức Trinh Nữ Maria trong cuốn *Câu hỏi về Mẹ Maria* ⁵, một cuốn sách về hành động và cam kết, nhưng cũng là cuốn sách về sự đau khổ khi đối mặt với một tình huống mà ông cho là không lành mạnh. Ông chỉ ra những lý do gây lo ngại do phong trào Marian đương thời nêu ra : sản xuất quá nhiều, nhưng cũng tầm thường và thái quá, trả giá quá cao, thiếu sự nghiêm túc về mặt khoa học, những lời giải thích mang tính lạm dụng. Thần học về Mẹ Maria trở nên chuyên biệt đến mức tách biệt khỏi thần học : «Thánh mẫu học» trở thành một ngành học độc lập. Thần học tìm kiếm nguyên tắc của mình ở chính Mẹ Maria chứ không còn ở vai trò của Mẹ trong chương trình cứu rỗi của Thiên Chúa. Trong mục đích này, Mẹ Maria trước hết là người duy nhất ; Mẹ gần như giống với Đức Kitô về mọi phương diện. Học thuyết về Thánh mẫu học này trở nên bí truyền và hơn nữa, bị phần còn lại của thần học bỏ qua.

5 Seuil, Paris, 1963

Đặc biệt, Thánh mẫu học tìm cách phát triển các đặc quyền mới của Mẹ Maria : có cuộc nói chuyện về một «trật tự bản thể» mà Mẹ Maria sẽ thuộc về, về «sự đồng công cứu chuộc» và thậm chí về công trạng *de condigno*⁶ về phía Mẹ ; người ta đã nói về Mẹ Maria như là «đầu liên kết hoặc đầu thứ cấp của thân thể huyền bí (*concaput*). Mục đích là «những cuộc chinh phục mới của Mẹ Maria» hoặc thậm chí là «những viên đá mới để đặt vào vương miện của Mẹ Maria».

Nhưng những sự thái quá này đã gây ra phản ứng, do đó người ta quan sát thấy hai xu hướng, được đặc trưng bởi các lựa chọn sau đó được gọi là tối đa hoặc tối giản. Đầu tiên là nghi ngờ về « sự tôn thờ Thánh Maria»; thứ hai là thiếu lòng quảng đại và tình yêu đối với Đức Trinh Nữ. Khuynh hướng đầu tiên là «giống như Đức Kitô» : khuynh hướng này đồng hóa Mẹ Maria với Đức Kitô càng nhiều càng tốt ; biến Thánh mẫu học thành bản sao hoàn chỉnh của Kitô học. Khuynh hướng này đặt Đức Mẹ ở bên cạnh Đấng Cứu Thế và cao hơn Giáo hội. Ngược lại, khuynh hướng thứ hai tìm cách đưa Đức Mẹ trở lại Giáo hội, đặt Mẹ vào phe của những người được cứu chuộc, ngay cả khi vai trò của Mẹ là duy nhất. Từ năm 1950 đến Công đồng, nhiều nghiên cứu đã đi

⁶ Công trạng *de condigno*, nghĩa là công trạng có giá trị trước Thiên Chúa, dĩ nhiên là đặc ân của riêng Đức Kitô.

theo hướng này.

Do đó, đầu Công đồng, khuynh hướng đầu tiên muốn tiếp tục theo con đường định nghĩa về Mẹ Maria ; ngược lại, khuynh hướng thứ hai muốn đánh dấu điểm dừng rõ ràng.

1.1. Bước ngoặt được thực hiện bởi Công đồng Vatican II

Từ tranh luận đến khủng hoảng

Bản phác thảo đầu tiên đã được chuẩn bị trước Công đồng, có tựa đề Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa và Mẹ loài người. Ban đầu nó được dự định là một phần của lược đồ về Giáo hội, nhưng sau đó được thiết lập thành một lược đồ riêng biệt. Hội đồng chủ tọa đã tìm cách để có văn bản khá chính xác này về sự trung gian của Đức Maria, sự đồng công cứu chuộc, sự đồng trình khi sinh con ⁷, nói tóm lại là một văn bản không hề «đại kết», được bỏ phiếu vào cuối phiên họp đầu tiên của Công đồng và vào dịp lễ ngày 8 tháng 12 năm 1962. Nhưng Hội đồng đã phản ứng tiêu cực : các Giáo phụ lo ngại sự giáo điều hóa vội vã của các công thức mới. Họ thích tập trung vào cuộc tranh luận về Giáo hội.

7 Nghĩa là trong quá trình sinh nở.

Trong phiên họp thứ hai, năm 1963, và trong cuộc tranh luận về Giáo hội, vấn đề về vị trí của văn kiện dành riêng cho Đức Mẹ lại nảy sinh. Một câu hỏi được đưa ra để các Nghị phụ bỏ phiếu : «Xin các ngài vui lòng đưa lược đồ về Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa và Mẹ Hội Thánh vào chương cuối cùng của lược đồ về Hội Thánh ?» Ngay lập tức, hai vị hồng y liên tiếp lên tiếng *phản đối* (Santos, từ Manila) và *tán thành* (König, từ Vienna). Ý nghĩa của câu hỏi như sau: bỏ phiếu *tán thành*, tức là nhấn mạnh rằng Đức Trinh Nữ thuộc về thân thể của Giáo hội, tức là «giải thoát Mẹ khỏi sự tuyệt thông của Giáo hội», như mọi người nói một cách hài hước trong hành lang ; nó cũng nhằm ngăn chặn xu hướng lạm phát của ngành Thánh mẫu học chuyên biệt ; bỏ phiếu *phản đối*, điều này có nghĩa là phán đoán rằng việc đưa Đức Mẹ vào Giáo hội như vậy sẽ hạ thấp Mẹ xuống ngang hàng với những Kitô hữu khác, một hành động hạ thấp giá trị, bởi vì Đức Mẹ «vượt qua» Giáo hội.

Sự tuyên truyền mạnh mẽ, thậm chí đôi khi là nồng nhiệt, đã diễn ra cho đến thời điểm bỏ phiếu với kết quả như sau : 1114 phiếu *tán thành*; 1.074 phiếu *phản đối*. Do đó, Hội đồng đã bị chia làm hai với 40 phiếu khác biệt. Đó là sự bàng hoàng, giống như năm trước đó về sơ đồ sự mặc khải. Có nước mắt. Tuy nhiên, cuộc bỏ

phiếu này cho thấy mong muốn rộng rãi muốn chấm dứt phong trào Maria như đã phát triển cho đến lúc đó, đề ủng hộ một thần học Maria được hồi sinh, tinh tảo hơn, theo Kinh thánh hơn và liên quan đến mầu nhiệm cứu rỗi. Sau đó, một ủy ban hòa giải được thành lập và cũng phải đối mặt với nhiều phản biện khác nhau.

Vào cuối phiên họp thứ hai, Đức Phaolô VI đã đưa ra những chỉ dẫn sau đây trong bài phát biểu bế mạc của mình : cần phải đưa Mẹ Maria vào trong lược đồ về Giáo hội ; nhưng cũng cần phải thể hiện sự cao cả của Mẹ trong mối quan hệ với Giáo hội, bằng cách tuyên bố Mẹ là «Mẹ của Giáo hội» (điều mà Công đồng sẽ từ chối làm) ; cuối cùng chúng ta phải hướng tới mục tiêu giành lại sự nhất trí của công đồng.

Soạn thảo và bỏ phiếu cho kế hoạch ; Đức Phaolô VI và Đức Maria «Mẹ của Giáo Hội»

Kế hoạch đã được viết lại hoàn toàn với mục đích cố ý đưa Mẹ Maria vào trong mầu nhiệm của Đức Kitô và Giáo hội. Chương mới này rất nghiêm túc, rất theo Kinh thánh và giáo phụ. Mỗi từ đều được cân nhắc. Nó chỉ gây ra một cuộc tranh luận khá ngắn và một loạt 90 sửa đổi, tuy không nhiều. Nó đã được bỏ phiếu gần như nhất trí và được ban hành kèm theo Hiến chế *Lumen Gentium* ngày 21 tháng 11 năm 1964.

Nhưng sau đó Đức Phaolô VI đã tuyên bố Mẹ Maria là «Mẹ của Giáo hội», đây không phải là một định nghĩa mang tính giáo điều. Hội đồng đã cố tình bỏ tiêu đề này trong văn bản của mình. Trên thực tế, ủy ban thần học đã đưa ra phán quyết sau : «Không thể nói rằng cụm từ ‘Mẹ của Giáo hội’ [...] là truyền thống. Khi được sử dụng, hiếm khi, nó được kiện toàn bởi ‘con gái’ và ‘chị em’. Đó là một phép so sánh. Theo quan điểm đại kết, nó không được khuyến khích, mặc dù nó có thể được chấp nhận về mặt thần học». Đức Phaolô VI đã lưu ý một số nhận xét này khi ngài nói trong phần giải thích của mình về danh hiệu : «‘Mẹ của Giáo hội’, nghĩa là của toàn thể dân Chúa, cả tín hữu và mục tử»; Đức Maria là Mẹ của Giáo hội Chiến đấu. Nhưng Mẹ vẫn là thành viên của Giáo hội, là chị em của chúng ta theo mối dây tự nhiên. Mong muốn của Đức Giáo hoàng trước tiên là bày tỏ niềm tin cá nhân và sau đó là an ủi nhóm thiểu số công đồng, những người đã rất thất vọng trong sự mong đợi của mình về Mẹ Maria.

Định hướng của Công đồng : Mẹ Maria hoàn toàn liên quan đến Đức Kitô và tương quan với Giáo hội

Trong chương này, Công đồng đưa ra một giáo lý tổng hợp và có cấu trúc liên quan đến Đức Trinh Nữ Maria. Đức Phaolô VI đã hoan nghênh văn bản này như

sau : «Đây là lần đầu tiên một công đồng chung trình bày một bản tổng hợp sâu rộng về giáo lý Công giáo về vị trí của Mẹ Maria trong mầu nhiệm Đức Kitô và Giáo hội ⁸». Chắc chắn, Công đồng khẳng định trong tuyên bố ý định của mình rằng Công đồng không muốn đề xuất một giáo lý đầy đủ về Mẹ Maria, cũng như không muốn giải quyết những câu hỏi vẫn đang được các nhà thần học nghiên cứu. Tuyên bố này có vẻ như là một biện pháp phòng ngừa và biện minh, trong mắt của nhóm thiểu số thất vọng, vì đã giữ im lặng về một số tiêu đề và chủ đề nhất định. Nhưng chúng ta biết rằng Công đồng không bao giờ muốn lên án : do đó, sự im lặng của Công đồng không nên được hiểu là sự từ chối chính thức. Tuyên bố của công đồng này có giá trị chuẩn mực cho cả mục vụ và thần học.

- Ý định của Công đồng được thể hiện rõ ràng trong phần mở đầu hoặc phần đầu tiên của hội đồng. Đó là một ý định có chủ đích để duy trì dưới vón từ vựng suy đoán được phát triển trong hơn năm mươi năm bởi phong trào Mẹ Maria và các nhà thần học, và mong muốn không định nghĩa bất cứ điều gì. Các quan điểm thần học không thuộc phạm vi đức tin và thuộc trách nhiệm của tác giả. Ý định này đánh dấu bước ngoặt trong cách nhìn nhận của Công giáo về Đức Mẹ. Toàn

8 Bài phát biểu tại Hội đồng ngày 21.11.1964.

bộ cách tiếp cận của Công đồng là lời mời gọi nghiên cứu dữ liệu của Kinh thánh và truyền thống. Suy ngẫm về Đức Mẹ Maria đã thay đổi hướng đi.

Mục đích cơ bản cũng là đặt giáo lý về Đức Mẹ Maria vào trong toàn bộ mầu nhiệm Kitô giáo, như tiêu đề của chương và phần thứ hai nhấn mạnh. Mỗi quan tâm này được thể hiện tám lần trong văn bản. Do đó, đây là học thuyết về Đức Mẹ Maria «có chức năng» hoặc «tích hợp».

- *Phần trình bày của phần thứ hai* là một phần của một lược đồ kinh thánh rộng. Theo dõi chương trình cứu độ của Thiên Chúa từ sự chuẩn bị chậm rãi cho sự ra đời của Đức Kitô cho đến việc tôn vinh Đức Trinh Nữ, Công đồng đặt ra vai trò và vận mệnh của Mẹ Maria bằng cách theo dõi tiến trình tồn tại của Mẹ và bắt đầu từ những lời loan báo tiên tri liên quan đến bà. Mẹ Maria luôn luôn được bao gồm trong toàn bộ chương trình cứu độ. Đây là trục của bài thuyết trình. Đây không phải là một bài chú giải Kinh Thánh, mà là một bài thần học Kinh Thánh rất nghiêm túc. Những bình luận về giáo lý của truyền thống và các công đồng sẽ được đưa vào liên quan đến những mầu nhiệm của Đức Trinh Nữ. Hơn nữa, phần này mang tính giáo phụ nhiều hơn là kinh thánh và trong nhiều trường hợp, việc

giải thích Kinh thánh được cho là của các Giáo phụ.

Bản ghi chép Kinh thánh được Công đồng lưu giữ được đặc trưng bởi sự thận trọng tỉ mỉ. Tài liệu này chỉ bao gồm các văn bản có ý nghĩa về Đức Mẹ Maria là không thể chối cãi và ở mức độ diễn giải mà phạm vi của chúng là không thể chối cãi. Điều này dẫn đến rất nhiều «cf.» (xem.) đánh dấu khoảng cách có ý thức giữa văn bản công đồng và các văn bản được cho là Kinh thánh.

Sự thận trọng này mang lại một sự thay đổi đáng kể trong hồ sơ về Đức Mẹ Maria mà Công giáo đã quen thuộc : các văn bản khôn ngoan không bao giờ được viện dẫn ; không có ám chỉ nào đến Khải Huyền 12, mặc dù văn bản này thuộc về phụng vụ Lễ Đức Mẹ Lên Trời. Mặt khác, tập tin này được dự định sẽ hoàn thiện hơn : nó kết hợp chủ đề mà Max Thurian mới nêu bật gần đây về Mẹ Maria «con gái của Sion». Mẹ Maria là người đứng đầu trong số những người nghèo và khiêm nhường của Thiên Chúa; tài liệu nhận ra sự ám chỉ của Lc 1 về Xp 3.14-17.

Mặt khác, Công đồng dành chỗ thích hợp cho những câu có vẻ «hạn chế» trong Tin Mừng liên quan đến Đức Trinh Nữ. Công đồng nhấn mạnh rằng cha mẹ Chúa Giêsu không hiểu lời con trai mình trong Đền Thờ (Lc

2.41-51). Công đồng đưa ra ý nghĩa của những lời này: «Ai là mẹ tôi và ai là anh em tôi ?» (Mc 3.35). Công đồng nhắc đến câu : «Phúc thay cho những ai lắng nghe lời Thiên Chúa và tuân giữ» (Lc 11.27). Vương quốc Thiên Chúa ở trên các ràng buộc của xác thịt và máu, và chính Mẹ Maria là người đã lắng nghe và tuân giữ lời Thiên Chúa và được Elizabeth tuyên bố là có phúc vì đức tin của Mẹ. Công đồng nhấn mạnh vào dịp này rằng «Đức Trinh Nữ Maria cũng đã tiến bước trong cuộc hành hương đức tin» đến thử thách của thập giá ⁹.

Ở cấp độ khẳng định về mặt giáo lý, chúng ta cũng gặp phải sự thận trọng tương tự. Không còn nghi ngờ gì nữa, Công đồng đã lặp lại một cách chính xác mọi điều đã được xác định liên quan đến Đức Maria. Nhưng điều này được khắc họa trong chủ đề chính về sự kết hợp giữa Đức Mẹ và Chúa Con kể từ khi thụ thai đồng trinh (7 lần).

- *Mối liên hệ của Đức Maria với Giáo hội là chủ đề của phần thứ ba. Nó được thể hiện bằng ba từ khóa : Thành viên, Mẹ và Kiểu, được công bố trong phần mở đầu :*

Sự kiện Đức Maria là *thành viên* của Giáo hội đã được nêu bật rõ ràng qua việc đưa chương này vào Hiến chế Tín lý về Giáo hội. Trong mầu nhiệm Giáo hội, Đức Trinh Nữ đến trước tiên, cũng như nhờ sự tôn vinh của Mẹ trên thiên đàng, Mẹ là «khởi đầu của Giáo hội, phải được hoàn thành trên thiên đàng tương lai». Do đó, Đức Maria ở bên trong Giáo hội, nhưng đối với Mẹ, Mẹ vẫn là thành viên siêu việt và độc nhất.

Xung quanh danh hiệu *Mẹ*, Công đồng tập hợp mọi thứ liên quan đến ảnh hưởng của Đức Maria đối với Giáo hội. Tại đây, Công đồng đề cập đến một số vấn đề cấp bách như vấn đề «hợp tác» trong sự cứu rỗi và Công đồng đã sử dụng thuật ngữ «người trung gian» một lần.

Sự phát triển bắt đầu bằng lời nhắc nhở về văn bản 1 Tm 2.5-6 về Đấng Trung gian duy nhất, được đưa ra như một nguyên tắc tuyệt đối liên quan đến vai trò của Mẹ Maria (trong khi ở phiên bản đầu tiên, nó cấu thành một sự phản đối cần được giải quyết !). Do đó, vai trò làm mẹ của Đức Maria không thể làm mất đi bất cứ điều gì trong tính độc nhất của Đấng Trung gian và không thể được biết đến cùng với Ngài. Đó là kết quả của niềm vui thiêng liêng và tuôn chảy từ sự dư dật của công đức Chúa Kitô.

Sau đó, Đức Maria được trình bày như là người liên kết (*socia*) với sự nhập thể và cứu chuộc, như người tôi tớ khiêm nhường hợp tác (*cooperata est*) qua sự vâng phục, đức tin, đức cậy và đức ái của mình, từ lời *Fiat* của biến cố Truyền tin đến sự chấp thuận của thập giá. Do đó, bản chất của sự hợp tác này là nhằm đáp lại ân huệ của Thiên Chúa, trong đức tin và ân sủng. Nó không thêm gì vào sáng kiến cứu rỗi của Thiên Chúa trong Đức Kitô.

Đây là lý do tại sao Đức Maria là người mẹ của chúng ta «trong chương trình ân sủng». Đây là công thức mà Công đồng sử dụng, không giống như «Mẹ của Giáo hội» mà Đức Phaolô VI mong muốn. Do đó, các danh hiệu truyền thống được trao cho Mẹ là «Trạng sư» (Irénée), «Đấng Trợ Giúp, Đấng Bảo Vệ, Đấng Trung Gian». Chỉ đến cuối chuỗi danh hiệu truyền thống này, thể hiện sự chuyển cầu của Đức Maria, thì từ «Đấng trung gian» mới xuất hiện, rất tương đối và trở nên rõ ràng. Thuật ngữ này cũng được chú thích ngay như sau: «Tuy nhiên, được hiểu theo cách không làm mất đi bất cứ điều gì, không thêm bất cứ điều gì vào phẩm giá và hiệu quả của Đức Kitô, Đấng Trung gian duy nhất». Đức Hồng y Bea muốn xóa bỏ mọi đề cập đến Mẹ Maria trung gian khỏi tài liệu. Ông đại diện trong vị trí này, phần lớn Công đồng có ý định ngăn chặn yêu

cầu xác định sự trung gian của Đức Maria. Theo logic chung của chương này, đây chính là thông điệp đã được lắng nghe.

Cuối cùng, Đức Maria là mẫu mực và hình ảnh của Giáo hội theo ba cách, vì Mẹ là trinh nữ, là Mẹ và thánh thiện. Sự đồng trinh và thiên chức làm mẹ của Đức Maria được tái hiện trong Giáo hội, nơi trở thành người mẹ bằng cách sinh ra con cái Thiên Chúa qua đức tin, qua việc rao giảng và rửa tội, và vẫn đồng trinh qua sự trong sạch của đức tin và sự tận hiến hoàn toàn cho Đức Kitô, Phu quân của mình.

- *Về việc tôn kính Đức Mẹ trong Giáo hội* (phần thứ tư và cũng là phần cuối cùng), đáp lại lời của bài Magnificat: «Mọi thế hệ sẽ khen tôi có phúc». Sự thờ phượng này khác với sự thờ phượng tôn thờ chỉ dành cho Thiên Chúa Ba Ngôi. Nó phải mang tính Kinh Thánh, lấy Đức Kitô làm trung tâm và lấy thần học làm trung tâm. Cần phải tránh bất cứ điều gì có thể bị hiểu là sai lầm của «những anh em ly khai» liên quan đến giáo lý chân chính của Giáo hội. Văn kiện kết thúc với lời chúc đại kết về sự hiệp nhất của tất cả các Kitô hữu.

1.2. Từ «Thánh Mẫu học» đến «thần học Maria»

Sau Công đồng, ban đầu chúng ta thấy sự suy giảm lớn trong việc sản xuất các tác phẩm thần học về Đức Maria, một dạng im lặng chiêm nghiệm, nhưng không có nghĩa là chất lượng các tác phẩm đã xuất bản giảm sút. Vào thời điểm đó, người ta đã nói đến một «cuộc khủng hoảng» liên quan đến Đức Mẹ Maria ; với tôi, thuật ngữ này có vẻ cường điệu quá. Đúng hơn, đó là thời kỳ tái thiết học thuyết về Đức Mẹ Maria. Thần học về Đức Mẹ đã có sự trở lại quan trọng trước khi tuân theo những chỉ dẫn của Công đồng. Đó là cái chết một hình thức của «Thánh mẫu học chiến thắng» và sự chuyển tiếp của «Thánh mẫu học», nghĩa là của một lĩnh vực về thần học đã giành được sự độc lập và chỉ xem xét Đức Maria trong chính mình, đến một «thần học về Đức Maria», sau công đồng, đặt Đức Maria vào trong Giáo hội và trong nền chương trình cứu độ, nói tóm lại là một thần học «thống nhất». Mẹ Maria đã được phục hồi vị thế trong thần học. Chúng ta suy ngẫm về nguồn cảm hứng đến từ Đức Phaolô VI : Mẹ Maria hoàn toàn liên quan đến Đức Kitô, đến Chúa Thánh Thần và đến Giáo hội. Đây là sự chuyển đổi chủ đề khá đáng ngưỡng mộ, so với những chủ đề được ưa chuộng trong Thánh mẫu học hậu Công đồng Trent. Công đồng chắc chắn

đã chấm dứt phong trào Thánh mẫu học trong nửa đầu thế kỷ 20, với mối quan tâm chính là đưa ra những định nghĩa giáo điều bằng cách thêm những danh hiệu mới cho Đức Trinh Nữ. Trong những năm sau Công đồng, không còn ai nói đến sự trung gian, sự đồng công cứu chuộc, vương quyền của Đức Maria, hay thậm chí là «nguyên lý đầu tiên» của thần học về Đức Mẹ Maria nữa. Chúng tôi muốn đưa bước ngoặt của Công đồng Vatican II vào nghiên cứu.

Tuy nhiên ¹⁰, việc sản xuất thần học về Đức Maria vẫn còn tồn tại sau Công đồng Vatican II, như có thể thấy cụ thể từ các đại hội, hội thảo và hội nghị chuyên đề thường kỳ được tổ chức bởi nhiều hội thần học về Đức Mẹ trên thế giới và trong công trình của các nhà thần học vĩ đại, những người cũng đã chuẩn bị các định hướng cho Công đồng (Hugo và Karl Rahner, H. de Lubac, O. Semmelroth, L. Bouyer, H. Urs von Balthasar). Tương tự như vậy, phong trào đại kết và cuộc đối thoại mới với các Giáo hội Đông phương và các Giáo hội mới nổi sau cuộc Cải cách đã tạo nên động lực nhất định cho việc

10 Bây giờ tôi xin trích dẫn một cách tự do nhưng đầy đủ một số nội dung của bài thuyết trình được trình bày tại Lyon năm 1996. Xem Thần học, lịch sử và lòng sùng kính Đức Mẹ. Biên bản hội nghị của Khoa Thần học Lyon, dưới sự chỉ đạo của J. Comby, Profac, Lyon, 1997, tr. 63-76.

suy tư về Đức Mẹ Maria. Một mặt, đây là động lực sửa chữa, giúp từ bỏ mọi hình thức «sùng bái Đức Maria» trá hình, mặt khác, đây là động lực tích cực, thúc đẩy vấn đề tiến triển.

Đây là lý do tại sao hai chủ đề chính của Công đồng, Đức Maria trong chương trình cứu độ và Đức Maria trong Giáo hội, tạo nên chủ đề cơ bản. Ví dụ, Otto Semmelroth ¹¹ xem xét ý nghĩa Kitô học của nhiều giáo điều về Mẹ Maria. Ông đặt Mẹ Maria vào con đường của Đức Kitô và trong Giáo hội mà Đức Mẹ là hình ảnh tượng trưng. Đây cũng là ý nghĩa của đóng góp của A. Müller, trong *Giáo lý về Lịch sử Cứu độ, *Mysterium salutis**, có tựa đề «Vị trí và sự cộng tác của Mẹ Maria trong sự kiện Chúa Giêsu-Kitô ¹²». Chúng ta cũng nhớ đến những gì liên quan đến mối quan hệ của Mẹ Maria với Giáo hội, với việc nghiên cứu về Mẹ Maria như là «hình mẫu của Giáo hội» và cũng như, vì sáng kiến của Đức Phaolô VI, về Mẹ Maria như là «mẹ của Giáo hội».

11 O. Semmelroth, «Sự kết hợp giữa Thánh Mẫu Học và Giáo Hội học giúp giải thích hai mẫu nhiệm này như thế nào», *Acta congressus Internationalis de Theologia concilii Vaticani II* (1966), Romae, Typis polyglottis vaticanis, 1968.

12 Bản dịch Tiếng Pháp, Paris, Cerf, 1972, tập 13.

Để làm được điều này, chúng ta hãy quên đi những sự tinh chỉnh của một «Thánh mẫu học» vốn muốn có tính hệ thống và chúng ta quay lại với việc đọc các nguồn tài liệu. Nghiên cứu này xem xét các văn bản Kinh thánh và truyền thống. Bốn mươi năm trở lại đây đã chứng kiến vô số nghiên cứu về các câu chuyện thời thơ ấu trong sách Thánh Mát-thêu và Thánh Lu-ca, về Mẹ Maria ở Cana và dưới cây thánh giá trong sách Thánh Gio-an, về người phụ nữ trên bầu trời trong sách Khải Huyền 12, v.v. Chúng ta cũng đã thấy một sản phẩm thú vị của các nghiên cứu về giáo phụ, đào sâu thần học của các Giáo phụ, từ sự tương đồng giữa Eva và Mẹ Maria của Irénée đến *Theotokos* của Êphêsô. Trong bối cảnh này, cần lưu ý đến sự hồi sinh mạnh mẽ của mối quan tâm đến các sách ngụ ngôn, ngay cả khi chúng ta xem xét chúng theo cách thận trọng và phê phán. Theo quan điểm lịch sử, chúng không nên bị bác bỏ cách ồ ạt, nhưng cần phải được chỉ trích, đặc biệt là vì theo quan điểm thần học, chúng đóng vai trò không thể chối cãi trong việc phát triển một số khẳng định về Đức Mẹ.

Người ta nhận thấy vẫn còn sự hồi sinh các nghiên cứu về lịch sử thần học và lòng sùng kính Mẹ Maria¹³. Một loạt các đại hội quốc tế về Đức Mẹ đã xem xét lại việc sùng bái Đức Mẹ trong những thế kỷ đầu tiên (Lisbon 1967), từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 11 (Zagreb 1971), từ thế kỷ thứ 11 đến thế kỷ thứ 15 (Rome 1975), vào thế kỷ thứ 16 (Zaragoza 1979), vào thế kỷ thứ 17 và 18 (Malta 1983). Các nhà thần học Chính thống giáo và Tin lành đã tham gia các hội nghị về Đức Mẹ và xuất bản các bài viết về những chủ đề này¹⁴, rất lâu sau cuốn sách dũng cảm của Tappolet về thần học Đức Mẹ của những anh em Cải cách¹⁵.

Từ «Nữ Vương Maria» đến «Nữ tỳ Maria»

Trong bối cảnh chung này, sự suy tư về giáo lý thường chuyển từ thần học về Đức Maria như một nữ vương sang thần học về Đức Maria như một nữ tỳ. Maria tự giới thiệu mình là «nữ tỳ của Chúa» (Lc 1.38). Người ta không còn chú ý đến «đặc quyền» của một học thuyết

13 W. Delius, Lịch sử Hội Đức Mẹ, Munich, 1963.

14 M. Lods, Bản tin Hội Nghiên cứu Đức Mẹ của Pháp, 24 (1967). -J.-P. Gabus, «Quan điểm của Tin Lành về Nghiên cứu Đức Mẹ và Lòng sùng kính Đức Mẹ», Marianum, 44 (1982), tr. 475-509.

15 W. Tappolet, Das Marienlob der Reformatoren, Tübingen, 1962.

về Đức Mẹ Maria nữa, mà là trinh nữ Do Thái : người đại diện cho những người nghèo của Gia-vê, người tôi tớ của Truyền Tin, người mẹ của gia đình đã trải qua những rủi ro và thử thách liên quan đến thời thơ ấu của Chúa Giêsu và người có cuộc sống «bình thường» ở Nazareth ; Mẹ đã tự hủy mình trước sứ mệnh của Con mình để thấy mình hiện diện trong thử thách của thập giá, Mẹ đã hiến mình để chúng ta noi theo như một tấm gương về sự hiện hữu theo Vương quốc. Sự cân nhắc này tương ứng với Kitô học về Người Tôi Tớ được kêu gọi để thể hiện mình là Thiên Chúa. Chúng ta tìm thấy mối liên hệ giữa *etapeinôsen* - người đã hạ mình - trong Pl 2, và trong *Magnificat*, *tapeinôsis* - sự thấp hèn - của nữ tỳ. Mẹ Maria hiện diện trong sự hủy diệt - *kénose* - của Đức Kitô. Trong suốt cuộc hành trình này, đức tin của Đức Maria, được nêu bật trong *Lumen Gentium* và sau đó là Đức Gioan Phaolô II, đóng vai trò gương mẫu¹⁶. Tóm lại, tất cả những điều đó cho thấy Đức Maria chia sẻ tình trạng con người của chúng ta và tình đoàn kết của Mẹ với gia đình nhân loại.

16 Xem Nghiên cứu về Đức Mẹ Maria. Bản tin của Hội nghiên cứu Đức Mẹ Maria của Pháp, Đức tin của Đức Maria, Mẹ của Đáng Cứu Chuộc, Paris, Médias-paul, 1995.

Đức Maria và Chúa Thánh Thần

Một đặc điểm khác liên quan đến mối quan hệ của Mẹ Maria với Chúa Thánh Thần. Phong trào Đức Maria trước đó, đặc biệt là từ Trent trở đi, đã bị cáo buộc là thay thế Đức Maria cho Chúa Thánh Thần trong việc xem xét học thuyết. Phong trào bị khiển trách chuyển hướng các chức năng và vai trò được Thánh Linh công nhận theo lợi ích của mình. Hơn nữa, Đức Trinh Nữ là một phần của «ba ngôi» mới : Chúa Cha, Chúa Con và Đức Mẹ Maria. Người ta đã nói đến «sự trống rỗng về mặt khí linh» của Thánh mẫu học.

Những đóng góp thú vị, đặc biệt là những đóng góp trong Kinh thánh, đã làm sáng tỏ quan điểm này, tôi đang nghĩ đến các nghiên cứu của H. Mühlen¹⁷. Sự suy tư này mời gọi sự đánh giá cao hơn về mối liên hệ giữa Đức Maria và Chúa Ba Ngôi và tránh danh hiệu cực kỳ mơ hồ «Đức Maria, cô dâu của Chúa Thánh Thần», bởi vì Chúa Thánh Thần, khi ngự xuống trên Đức Maria, không đóng vai trò là một đáng sáng tạo, mà là một

17 H. Mühlen, Thánh Linh trong Giáo hội. 2 tập, Cerf, Paris, 1969. - A. Manaranche, Tinh thần và phụ nữ, Seuil. Paris, 1974. H.-M. Áo khoác Bonamy. Đức Mẹ Đồng Trinh và Chúa Thánh Thần, Lethielleux, Paris, ấn bản lần thứ 2. 1971 : «Chúa Thánh Thần và Đức Mẹ Maria», Eph. Ngày 28 tháng 3 (1978), 2-3, với phần giới thiệu của D. Fernandez.

đáng sáng tạo, như trong quá trình sáng tạo thế giới.

Nhưng ở đây chúng ta cũng gặp phải nguy cơ lạm phát, ví dụ với luận đề khẳng định sự tồn tại của «sự kết hợp bản thể» giữa Đức Trinh Nữ và Chúa Thánh Thần. Đó là Leonardo Boff, một tu sĩ dòng Phanxicô người Brazil nổi tiếng với học thuyết thần học giải phóng. Trong trường hợp của ông, điều này liên quan đến một sự cân nhắc rất mạnh mẽ về chiều kích nữ tính của Thánh Linh : tính nữ phù hợp với Chúa Thánh Linh, người do đó sẽ có sứ mệnh «thần thánh hóa về mặt bản thể » nữ tính (giống như Đức Kitô thần thánh hóa nam tính) :

Đáng phân chia nam tính (và nữ tính) là Ngôi Lời ; Đáng phân chia tính nữ (và tính nam) là Chúa Thánh Thần. Sự song song giữa Chúa Kitô-Adam, Maria-Eva tìm thấy sự cân bằng hoàn hảo ở đây (trang 108).

Chúng ta chỉ biết sau này rằng chính Mẹ Maria, chứ không phải một người phụ nữ nào khác, được coi là bản thể (tr. 108).

Nhờ Chúa Thánh Thần, Mẹ thấy mình được đảm nhận ngôi vị để vĩnh cửu hóa tính nữ ¹⁸ (tr. 267).

Theo tinh thần đoàn kết của dòng Phanxicô, Boff đã có thể lấy cảm hứng từ một số câu nói của Maximilian Kolbe, người đã hy sinh anh dũng trong trại tập trung : «Chúa Thánh Thần», ông nói, «là Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội chưa được tạo ra ; Đức Maria là Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội được tạo ra ; do đó, Mẹ là hiện thân của Chúa Thánh Thần và hiện thể của Người : điều này thiết lập sự trao đổi tên và danh hiệu giữa hai Đấng ¹⁹».

Đối với những luận đề này chúng ta rõ ràng phải phản đối một câu trả lời chắc chắn là không. Có một sự lạm dụng rõ ràng đối với cụm từ «sự hiệp nhất ngôi vị» chỉ liên quan đến Đức Kitô và điều này sẽ khiến Mẹ Maria vượt qua giới hạn của loài thụ tạo.

18 L. Boff. Tình yêu thương của Thiên Chúa. Ensaio liên ngành sobre o feminino e suas formas tôn giáo, Petropolis. Voces, 1979. Xem. R. Laurentin, «Bản tin về Đức Trinh Nữ Maria», Mục sư Sc. Phil. Thần học. (RSPT) 65 (1981), trang. 311-313.

19 R. Laurentin, *ibid.*, tr. 308.

Mary, hình ảnh người phụ nữ và «người giải phóng»

Cũng cần phải chỉ ra một sự chú ý mới dành cho Đức Maria như một hình ảnh của người phụ nữ, liên quan đến tất cả các câu hỏi đặt ra ngày nay về vai trò của phụ nữ trong Giáo hội và xã hội ²⁰. Đây là một điểm của nhân học nữ tính Kitô giáo : các phong trào nữ quyền dễ dàng chỉ trích hình ảnh Đức Maria như một biểu tượng của lý tưởng nữ tính về sự thụ động, tự hủy hoại, im lặng, khiêm tốn, vâng lời và cam chịu. Không nghi ngờ gì nữa, trong suốt chiều dài lịch sử, những dự phóng văn hóa đã phóng đại và đơn phương hóa hình ảnh này. Một sự xem xét đầy đủ hơn và theo Kinh thánh về mẫu nhiệm của Đức Maria (đặc biệt là «chức vụ» riêng của Mẹ) chắc chắn có thể mang lại những hiểu biết mới. Điều này làm nổi bật sự tự do táo bạo của Đức Maria trong tiếng Fiat của Mẹ, «vi-rút cách mạng» của bài *Magnificat*, điều khiến Ch. Maurras ²¹ không

20 Xem *Nghiên cứu về Đức Mẹ Maria. Bản tin của Hội nghiên cứu Đức Mẹ Maria của Pháp: hình ảnh Đức Mẹ, ánh sáng soi rọi người phụ nữ*, O.E.I.L., Paris, 1989. *Đức Mẹ, huyền thoại hay hình mẫu cho người phụ nữ ngày nay ?*, O.E.I.L., Paris, 1990. - *Bí ẩn về Đức Mẹ Maria và người phụ nữ ngày nay, Médiaspaul*, Paris, 1991.

21 Xem R. Laurentin, «Bản tin về Đức Trinh Nữ Maria», RSPT 56 (1972), tr. 481, chú thích 124.

hài lòng. L. Boff coi Đức Mẹ là nhân vật giải phóng vĩ đại nhất ở Mỹ Latinh. Đây chính là cách hình ảnh Đức Maria phát triển : không còn chủ yếu là sự thụ động, mà là lòng can đảm, sự táo bạo và tự do của một người con gái Do Thái. Đức Maria, con gái của Sion, được tôn vinh.

Về điểm nữ tính này, cần phải chỉ ra sự hấp dẫn đối với các khoa học nhân văn, đặc biệt là tâm lý học chiều sâu, để phân tích ý nghĩa của mô hình Đức Maria trong đời sống lương tâm ²².

Sự trinh tiết của Mẹ Maria bị nghi ngờ

Trên thực tế, thần học về Đức Mẹ cũng đặt ra những câu hỏi nghiêm túc vào những năm 1970 : việc thụ thai đồng trinh của Chúa Giêsu đã bị đặt dấu hỏi, không phải về ý nghĩa, mà về thực tế, giống như sự phục sinh của Người. Chúng ta nhớ lại những cuộc tranh luận nảy sinh xung quanh Sách Giáo lý Hà Lan, dẫn đến việc viết một văn bản mới ²³. H. Küng cũng đã ồn ào đứng về phía nào đó để đưa sự thụ thai trinh nguyên trở thành

22 Xem B. Lorenzo. «Biến thể phân tâm học về Đức Mẹ Đồng Trinh». Marian Notebooks, 98, ngày 15 tháng 6 năm 1975. tr. 155-171.

23 Xem R. Laurentin. RSPT 54 (1970). P. 291-296. và quan điểm của H. Halbfas, ibid., p. 296-298.

một «biểu tượng, trước đây ít nhất cũng mang ý nghĩa²⁴». Cuộc khủng hoảng này nằm bên trong suy tư về Đức Kitô, nhưng nó không thể tránh khỏi ảnh hưởng đến Mẹ Maria. Bản chất nhân tính của Chúa Giêsu và mối quan hệ giữa nhân chủng học và tình dục khi đó đã bị đặt dấu hỏi. Cuộc tranh luận này, hiện nay không còn gay gắt nữa, vẫn còn tiềm ẩn, như chúng ta thấy qua các lập trường của Eugen Drewermann²⁵, người tiếp cận vấn đề theo cách rất thiên vị, bổ sung thêm quan điểm phân tâm học. Một tác phẩm gần đây hơn²⁶ tìm cách duy trì vai trò ban đầu và quyết định của Chúa Thánh Thần, đồng thời đưa ra giả thuyết rằng Chúa Giêsu có thể được sinh ra từ sự kết hợp bình thường giữa Thánh Giu-se và Mẹ Maria. Nhưng cuộc tranh luận này, giống như cuộc tranh luận về sự phục sinh, đã cho phép chúng ta làm sáng tỏ một vấn đề cực kỳ phức tạp và hiểu rõ hơn cả nội dung và phạm vi của tuyên bố này. Theo cách riêng của mình, tranh luận đã chỉ ra rằng sự đồng trình của Mẹ Maria liên quan đến Đức Kitô trước tiên

24 H. Küng, *Là người Kitô hữu*, Seuil, Paris, 1978. tr. 531.

25 E. Drewermann, *Từ sự ra đời của các vị thần đến sự ra đời của Chúa Kitô. Một diễn giải về những câu chuyện về sự ra đời của Chúa Jesus theo tâm lý học chiều sâu*, Seuil, Paris, 1992.

26 J.M. Moschetta, *Chúa Jesus, con trai của Joseph. Ngày nay chúng ta có thể hiểu thế nào về sự thụ thai đồng trình của Chúa Giêsu ?*, L'Harmattan, Paris, 2002.

và chỉ sau đó mới phản ánh đến mẹ của Người : do đó, tranh luận đã minh họa một khía cạnh của thần học Đức Mẹ tích hợp.

Ngày nay, vấn đề là trình tiết *vĩnh cửu* của Mẹ Maria, vì có đề cập đến anh chị em của Chúa Giêsu trong các sách Tin Mừng, có tính thời sự hơn. Chủ đề này đã trở thành tiêu đề trên các tit báo ở Pháp trong cuốn sách đầu tiên của J. Duquesne ²⁷, và được F. Refoulé ²⁸ đề cập trong một tác phẩm nhỏ. Trường hợp này khá tế nhị: tốt nhất là nên khám phá nó càng nhiều càng tốt theo góc nhìn lịch sử. Nhưng tôi tin rằng không ai có thể, ở cấp độ này, đưa ra bằng chứng hiển nhiên về bản chất chính xác của mối quan hệ này, hoặc nói rằng họ là anh em thực sự hoặc là anh em họ, bởi vì các sách Tin Mừng không cung cấp cho chúng ta những yếu tố cần thiết để đưa ra phán đoán như vậy. Do đó, đây là một điểm phải được phán đoán trong phạm vi đức tin, dưới ánh sáng của những lý do giáo lý do truyền thống Kitô giáo đưa ra.

27 J. Duquesne, *Chúa Giêsu*, Flammarion/DDB, Paris, 1994. Về cuốn sách *Mẹ Maria* của ông, hãy xem thông tin chi tiết trong phần giới thiệu. tr. 11 sqq

28 F. Refoulé, *Anh chị em của Chúa Giêsu : anh em hay anh em họ ?*, DDB, Paris, 1995.

1.3. Can thiệp của Giáo hoàng

Hai vị Giáo hoàng sau Công đồng Vatican II đã viết một số văn kiện về Đức Mẹ, đặc biệt là Đức Gioan Phaolô II, và thường xuyên thiết lập «năm Đức Mẹ». Không thể liệt kê tất cả các văn bản đa dạng này hoặc thậm chí tổng hợp chúng. Tôi chỉ nêu bật những lời dạy trong các tài liệu quan trọng nhất :

Đức Phaolô VI

Đức Phaolô VI đã công bố hai văn kiện về Đức Trinh Nữ Maria ²⁹, là một phần tiếp nối của Vatican II : năm 1967, *Signum magnum* và năm 1974, *Marialis cultus*. Phần thứ hai trong số này có thể được coi là «danh mục» về việc tôn kính Đức Mẹ tương ứng với chương VIII của *Lumen Gentium*. Tôi sẽ nói về việc này một ít.

Ý định của ngài là giải thích giáo huấn của *Lumen Gentium* về việc tôn kính Đức Mẹ, điều mà ngài lần đầu tiên xem xét trong phụng vụ. Một số người cho rằng Đức Giáo hoàng đang cố gắng «khởi động lại» việc tôn kính Đức Mẹ, lúc đó được coi là đang trong «cuộc khủng hoảng». Nhưng trên hết, ngài nhấn mạnh rằng

29 *Signum magnum* năm 1967 (La Documentation catholique 1495 [1967], 961-972) và *Marialis Cultus* năm 1974 (La Documentation catholique 1651 [1974], 301-309).

việc tôn kính Đức Mẹ Maria là một phần trong nghi lễ thờ phượng của Kitô giáo, trong đó Đức Mẹ luôn phục tùng Chúa Kitô. Ngài yêu cầu lòng sùng kính Đức Mẹ luôn mang tính Kitô học và Thánh Linh học. Ngài giải thích về cuộc cải cách phụng vụ đã bãi bỏ một số lễ Đức Mẹ - khiến một số người rất không hài lòng - và «Kitô hóa» một số lễ khác, chẳng hạn như «Lễ dâng Chúa Giêsu» và «Lễ truyền tin».

Đức Phaolô VI cũng đề xuất đổi mới lòng sùng kính Đức Mẹ, nhấn mạnh đến các khía cạnh Ba Ngôi, Kitô học và Giáo hội, đồng thời yêu cầu tôn trọng bốn định hướng : Kinh thánh, phụng vụ, đại kết và nhân học. Sự cân nhắc cuối cùng này thực sự mới mẻ. Cân nhắc này đề cập đến hình ảnh Đức Maria như một người phụ nữ, Mẹ đã ghi vào lương tâm thông qua các hiện tượng xã hội văn hóa. Một số hành vi lệch lạc trong việc thờ phụng Đức Mẹ bị chỉ trích mạnh mẽ (sự cả tin, các tập tục bên ngoài, chủ nghĩa tình cảm vô ích và phù du). Tài liệu kết thúc bằng những chỉ dẫn về Kinh Truyền Tin và Kinh Mân Côi.

Đức Gioan Phaolô II

Đức Gioan Phaolô II có lòng sùng kính sâu sắc đối với Đức Mẹ Maria, người mà ngài luôn nhắc đến ở cuối tất cả các bài phát biểu của mình. Ngài đã viếng thăm các đền thờ Đức Mẹ lớn trên thế giới. Tuy nhiên, ngài đã từ chối áp lực phải long trọng tổ chức lễ kỷ niệm hai ngàn năm ngày sinh của Mẹ Maria. Chúng ta hãy nhớ lại hai văn kiện quan trọng nhất về chủ đề này, thông điệp *Redemptoris Mater* và tông thư *Mulieris dignitatem* :

- Thông điệp *Redemptoris Mater* 26³⁰: sau khi đưa ra bộ ba giáo lý về Chúa Ba Ngôi trong các thông điệp đầu tiên của mình, Đức Giáo hoàng đã dành riêng một thông điệp cho Đức Mẹ Maria. Trật tự này không trùng lặp : do đó, Đức Trinh Nữ thấy mình được đặt vào vị trí của mình trong mầu nhiệm Kitô giáo.

Đức Gioan Phaolô II đặt mình vào đâu với giáo huấn về Đức Mẹ của Công đồng Vatican II ? Đầu tiên, thông điệp khẳng định rõ ràng ý định đại kết, mặc dù quan tâm nhiều hơn đến Chính thống giáo Đông phương hơn là các Giáo hội Cải cách ở phương Tây.

Sau đó, hai dữ liệu rõ ràng đặt tài liệu vào bộ *Lumen Gentium*. Trước hết, giọng điệu của bài suy niệm giáo

30 Tài liệu Công giáo, 1938 (1987), tr. 383-406.

lý này cổ tình theo Kinh thánh : Đức Gioan Phaolô II không chỉ trích dẫn nhiều từ các văn bản Tin Mừng lớn về Đức Maria, mà ngài còn áp dụng cho Mẹ những đoạn văn quyết định của Thánh Phaolô về sự lựa chọn, ân sủng và sự công chính hóa bởi đức tin. Đức tin của Mẹ Maria được so sánh với đức tin của Abraham. Đức Trinh Nữ do đó được ghi vào cộng đồng vĩ đại của những người được cứu chuộc và ơn gọi đặc biệt của Mẹ không làm cho Mẹ thoát khỏi tình trạng chung được Tin Mừng công bố là nên công chính bởi đức tin.

Sự kiện thứ hai : văn kiện này liên tục nhắc đến chương VIII của Hiến chế *Lumen Gentium* ³¹. Văn kiện này thực tế đi theo đúng kế hoạch của nó : Đức Maria trong mầu nhiệm Chúa Kitô, rồi trong mầu nhiệm Giáo hội. Sự độc đáo của văn bản mới nằm ở sự nhấn mạnh vào thiên chức làm mẹ của Đức Trinh Nữ.

Tuy nhiên, thông điệp này đưa ra một góc nhìn quan trọng với *Lumen Gentium* trong Phần III, dành riêng cho «sự trung gian của người mẹ» của Đức Maria. Trong khi Công đồng cổ tình loại bỏ thuật ngữ «người trung gian», chỉ sử dụng thuật ngữ này một lần trong một loạt các cách diễn đạt để xác định sự chuyển cầu của Đức Maria, thì theo một cách nào đó, thông điệp này đã

31 67 trích dẫn cho 110 trang văn bản trong ấn bản Vatican.

đưa thuật ngữ «sự trung gian của người mẹ» trở lại quỹ đạo. Có lẽ cách diễn đạt này được giải thích theo cách loại bỏ mọi sự mơ hồ. Bài suy niệm bắt đầu từ bản văn chính về Đấng Trung gian duy nhất (1 Tm 2.5) và liên tục quay trở lại đó như là chuẩn mực. Do đó, «sự trung gian» của Mẹ Maria xuất phát từ một nguồn duy nhất, nó có sự tham gia và phụ thuộc; điều này xuất phát từ thực tế rằng Đức Trinh Nữ đã có mối liên hệ rộng rãi với Đấng Cứu Chuộc. Đây là sự trung gian của người mẹ, được thể hiện tại Cana qua lời chuyển cầu của mẹ Chúa Giêsu. Đó không gì khác hơn là sự “hợp tác” của Đức Maria trong hành động cứu độ của Con mình. Do đó, mục đích của thuật ngữ này liên quan đến Đức Maria hoàn toàn khác với sự trung gian đích thực và duy nhất được thực hiện bởi Ngôi Lời nhập thể. Sự tương tự ở đây bao hàm nhiều điểm khác biệt hơn là điểm tương đồng. Văn bản của thông điệp, nếu hiểu đúng, thì trên hết là đáng ngờ. Một cách diễn giải tôn kính có thể thấy ở đây ý định xóa bỏ tính từ người trung gian bằng cách thay thế nó bằng cụm từ «sự trung gian của mẹ», trong đó thuật ngữ «mẹ» có trọng lượng hơn thuật ngữ «làm trung gian». Nhưng liệu có phù hợp khi luôn sử dụng một từ cần nhiều biện pháp phòng ngừa, giải thích và biện minh để được «hiểu đúng» và chắc chắn gây khó khăn cho những người Kitô hữu sau cuộc Cải cách ?

- Tông thư *Mulieris dignitatem* ³²: hơn một năm sau thông điệp *Redemptoris Mater*, Đức Gioan Phaolô II đã công bố một tông thư về phẩm giá của phụ nữ, được nêu trong thông điệp. Văn bản này là một dạng nhân học nữ tính, được đề xuất dựa trên ánh sáng của Kinh thánh. Hình tượng người phụ nữ được liên tục nhắc đến là Đức Trinh Nữ Maria, đặc biệt liên quan đến tình mẫu tử và sự đồng trinh. Sự tương đồng giữa Eva và Mẹ Maria, cả hai đều được Kinh thánh gọi là «phụ nữ», cũng được thảo luận rộng rãi, với sự tương phản giữa vai trò của người phụ nữ khi tội lỗi bắt đầu và vai trò của Mẹ Maria vào lúc bình minh của sự cứu rỗi, Eva mới. Chúng ta tìm thấy ở đó triết lý nhân vị của Đức Gioan Phaolô II, người đóng góp, theo định hướng riêng của mình, vào nghiên cứu hiện tại về hình ảnh Đức Maria như một người phụ nữ.

32 Tài liệu Công giáo, 1972 (1988), tr. 1063-1088.

1.4. Sự tiến hóa lòng sùng kính phổ biến

Một sự bảo trì đáng ngạc nhiên

Trong những năm sau Công đồng ³³, một số người có thể lo ngại lòng sùng kính của người Công giáo đối với Đức Mẹ sẽ suy giảm. Nhưng thực tế không phải vậy. Điều đáng ngạc nhiên là, vào thời điểm có sự bất mãn lớn với việc thực hành tôn giáo và bí tích, lòng sùng kính của người Công giáo đối với Đức Mẹ vẫn được duy trì. Điều đáng chú ý là số lượng người tham dự các cuộc hành hương Đức Mẹ vẫn giữ nguyên, thậm chí còn tăng lên. Ở đây có một câu nói của Công giáo phổ biến mà chúng ta cần phải lắng nghe.

Chúng ta cũng phải ghi nhận những nỗ lực mục vụ đang được thực hiện tại một số địa điểm hành hương lớn (ví dụ như Lourdes, La Salette) để mang lại cho người hành hương một trải nghiệm đức tin đích thực và có giá trị hình thành. Những người hành hương được cung cấp một nơi tĩnh tâm nhỏ, nơi mà địa vị của Đức Mẹ được hòa nhập vào toàn bộ mầu nhiệm của Kitô giáo. Những cuộc hành hương này ngày nay là địa điểm

³³ Xem *Nghiên cứu về Đức Mẹ Maria. Bản tin của Hội nghiên cứu Đức Mẹ Maria của Pháp: Đức Mẹ Đồng Trinh trong lòng đạo đức của người Kitô hữu kể từ Công đồng Vatican II*, Médiaspaul, Paris, 1992.

đặc biệt đề mục vụ Công giáo chăm sóc Kitô giáo phổ biến. Những người chịu trách nhiệm về công tác liên quan đến Đức Mẹ Maria thường chia sẻ mối quan tâm chung. Chúng ta cũng ghi nhận sự đổi mới trong việc chăm sóc mục vụ bằng kinh Mân Côi.

Hoài niệm và mơ hồ

Ngày nay, những hướng dẫn của Công đồng Vatican II vẫn còn hiệu lực. Tuy nhiên, chúng ta đang chứng kiến sự tái xuất hiện trong một số giới thần học một hình thức cường điệu hóa Đức Mẹ Maria và thậm chí quay trở lại với những cách tiếp cận ủng hộ các định nghĩa mới về Đức Mẹ Maria. Một nghiên cứu gần đây đã đưa ra luận đề rằng vì cả hai giới đều cộng tác vào tội lỗi đầu tiên ở con người Adam và Eva, nên sự cứu chuộc phải được thực hiện bởi cả hai giới. Một bài diễn thuyết như vậy sẽ khôi phục lại một cách nguy hiểm, nếu không muốn nói là theo cách gần như dị giáo, chủ đề về sự đồng công cứu chuộc.

Người ta cũng cảm thấy nỗi nhớ ngày càng lớn dần trong một số bộ phận người Công giáo về lòng sùng kính Đức Mẹ của ngày xưa, được thể hiện dưới những hình thức mơ hồ bị cả Công đồng và Đức Phaolô VI lên án. Cuộc chạy đua tìm kiếm địa điểm hiện ra gây tranh cãi không được các nhà chức trách tôn giáo chấp

thuận (Garabandal 1961-1965, San Damiano 1961-1968, Balestrino 1967-1968, Medjugorje trong mười lăm năm qua) đã tiếp tục, đặc biệt là trong các nhóm theo chủ nghĩa truyền thống, bất chấp những cảnh báo nghiêm khắc từ các giám mục. Chúng ta cũng thấy sự hồi sinh của một số hình thức sùng kính đáng ngờ, chẳng hạn như «các trinh nữ hành hương», kèm theo bài diễn văn sùng kính và cử chỉ đạo đức không liên quan gì đến các nguyên tắc của Công đồng Vatican II. Chúng ta chắc chắn không nên kịch tính hóa những hiện tượng này và tôn trọng một số quan điểm nhất định (chưa kể đến những ân sủng thực sự được trải nghiệm ở một số nơi này). Nhưng sự cảnh giác và nỗ lực giảng dạy giáo lý đích thực về Đức Mẹ Maria cần thiết hơn bao giờ hết.

Phần kết luận : Mẹ Maria chứng nhân của *sola gratia*, của *sola fide* và *solì Deo gloria*

Để kết thúc bài thuyết trình này và theo tinh thần đại kết đích thực, tôi muốn nói rằng mầu nhiệm Đức Trinh Nữ Maria xác minh và minh họa một cách đáng ngưỡng mộ ba câu châm ngôn lớn của cuộc Cải cách, được hiểu theo tất cả tính tích cực của chúng. Có vẻ nghịch lý khi tóm tắt bản chất của mầu nhiệm Đức Trinh Nữ Maria trong bộ ba tác phẩm này. Quan điểm này cho chúng ta thấy trong mọi trường hợp rằng Mẹ Maria không nên là

dấu hiệu của sự mâu thuẫn giữa những người Kitô hữu :

Sola gratia : mọi sự nơi Đức Maria đều đến từ ân sủng của Thiên Chúa, là người «được ân sủng» trước mặt Thiên Chúa và là người «đầy ân sủng».

Sola fide : mọi sự nơi Đức Maria đều là lời đáp trả của đức tin. Đức Maria là biểu tượng của đức tin trong Tân Ước giống như Abraham trong Cựu Ước.

Soli Deo gloria : mọi sự nơi Đức Maria đều tôn vinh Thiên Chúa, đặc biệt là «chức vụ» làm mẹ thiêng liêng.

Chúng ta có thể lặp lại cùng với thiên thần :

Hãy vui mừng, Đức Maria đầy ơn phúc, Thiên Chúa ở cùng bà !

Phụ lục tài liệu tham khảo

Không thể trình bày ở đây toàn bộ các tác phẩm văn học về Đức Mẹ Đồng Trinh trong giai đoạn được xem xét. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xem các «Bản tin về Đức Mẹ Đồng Trinh» của R. Laurentin trên RSPT, từ năm 1966 đến năm 1986 - Cũng xem *Enciclopedia Mariana postconciliar*, Madrid, Coeulsa, 1976 - Stefano de Fiores, *Maria nella teologia contemporanea*, Centro di Cultura mariana «Mater Ecclesiae» (Maternal Ecclesia), Roma, 1987.

Tôi cũng đề cập đến một số tác phẩm gần đây :

A. và F. Dumas, *Marie de Nazareth*, Labor et fides, Geneva, 1989 [Tin Lành].

A. Kniazeff, *Đức Mẹ trong Giáo hội Chính thống giáo*, Cerf, Paris, 1990.

J. Bur, *Đề hiểu Đức Trinh Nữ Maria trong mầu nhiệm Chúa Kitô và Giáo hội*, Cerf, Paris, 1992.

M.-J. Bérère, *Đức Maria - chỉ đơn giản thế thôi*, L'Atelier, Paris, 1999.

Đức Trinh Nữ trong giáo lý hôm qua và hôm nay,
«Nghiên cứu về Đức Mẹ», Tập thể, Médiaspaul, Paris,
2000.

2. Đức Maria trong kế hoạch của Thiên Chúa và sự hiệp thông của các thánh

Trình bày tài liệu của Nhóm Dombes về Đức Trinh Nữ Maria

«Notre-Dame des Dombes» là tên của tu viện được thành lập vào thế kỷ 19 theo yêu cầu của Giám mục Belley, trong một khu vực vào thời điểm đó rất mất vệ sinh do có nhiều ao hồ và đầm lầy, nằm cách Lyon khoảng 40 km về phía đông bắc. Một nhóm tu sĩ Xitô Trappist từ Aiguebelle đã thành lập tu viện ở đó, đồng thời phát triển một hệ thống tưới tiêu nhiều cấp thông minh để quản lý nước tù đọng và làm sạch khu vực. Ngày nay, «La Dombe» là một vùng đất lành mạnh và thân thiện, nổi tiếng với các loài chim và cá.

Nhưng tôi cũng phải nói, với một chút buồn bã, rằng trang đầu tiên của Tu viện Dombes đã được lật sang trang mới. Chín tu sĩ cuối cùng, già và một số người bệnh, không còn có thể đảm bảo sự sống còn của mình, họ đã phải từ bỏ nó vào năm 2001. Họ đã từ bỏ mọi thứ để bước vào đó ; một lần nữa, họ đã từ bỏ mọi thứ với lòng tự trọng đáng ngưỡng mộ để trao lại mọi thứ cho người khác. May mắn thay, Cộng đồng Chemin Neuf đã đồng ý chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình

và tiếp tục làm chứng cho Tin Mừng tại khu vực này theo một hình thức khác. Về phần Nhóm, nhóm đã họp trong nhiều năm tại tu viện Benedictine ở Pradines, gần Roanne.

2.1. Lịch sử tóm tắt của Nhóm Dombes

Nền tảng của Nhóm và ba giai đoạn chính sự tồn tại của Nhóm

Vào năm 1937, Cha Paul Couturier, một linh mục của giáo phận Lyon và là một tông đồ vĩ đại của chủ nghĩa đại kết, đã có một ý tưởng táo bạo vào thời điểm đó là tập hợp một số người bạn là linh mục Công giáo và các mục sư Tin lành trong ba ngày tại Tu viện Dombes. Ý tưởng của cha là : để hòa giải, người ta phải yêu thương lẫn nhau ; và để yêu nhau, hai người phải hiểu biết nhau. Các cuộc họp diễn ra xen kẽ giữa thời gian cầu nguyện và lắng nghe lẫn nhau.

Chúng ta có thể phân biệt ba giai đoạn chính trong vòng đời của Nhóm. Giai đoạn đầu tiên, từ năm 1937 đến năm 1956 (có tính đến những gián đoạn do chiến tranh), đã có thời gian *gặp mặt trực tiếp* và hiểu biết lẫn nhau, trong việc lắng nghe các lập trường giáo lý tương ứng. Một chuyện là biết thần học của đối tác dưới dạng

các luận đề ít nhiều cứng nhắc, còn một chuyện khác là lắng nghe chính đối tác trình bày thần học đó trong bối cảnh năng động sống động của họ. Năm 1953, Cha Couturier qua đời và Nhóm đã tổ chức một buổi tĩnh tâm chung vào dịp này. Từ năm 1956 đến năm 1970, Nhóm chuyển sang thời kỳ *song song*, vì giờ đây Nhóm nhận thức rằng các cuộc trao đổi của mình có thể dẫn đến việc soạn thảo các luận đề chung, chắc chắn là hạn chế, nhưng có khả năng lập biên bản cho một thỏa thuận đang phát triển. Cá nhân tôi đã là thành viên của Nhóm kể từ năm 1967 và tôi đã chứng kiến giai đoạn này kết thúc. Từ năm 1971, Nhóm này mong muốn đáp ứng tốt nhất có thể những yêu cầu ngày càng cấp thiết về vấn đề «rước lễ liên tôn» hay lòng hiếu khách Thánh Thể, và tin rằng những tiến bộ như vậy chỉ có thể đạt được trên cơ sở sự đồng thuận chân chính trong đức tin, nên đã chủ động soạn thảo một văn bản có tổ chức về Thánh Thể. Đây là điểm khởi đầu cho một loạt các tài liệu cung cấp một dạng giáo lý đại kết về nhiều vấn đề cụ thể còn tranh chấp giữa các Giáo hội.

Công việc tiếp tục với *Để hòa giải các Chức vụ* (1972), *Chức vụ Giám mục* (1976), *Chúa Thánh Thần, Giáo hội và các Bí tích* (1979), *Chức vụ Rước lễ trong Giáo hội hoàn vũ* (1985), *Để hoán cải các Giáo hội* (1990), và sau cùng là *Đức Maria trong kế hoạch của*

Thiên Chúa và sự hiệp thông của các thánh (1997). Nhóm hiện đang soạn thảo một tài liệu dành riêng cho thẩm quyền giáo lý trong Giáo Hội.

Địa điểm họp luân phiên là Tin Lành và Công giáo, thường là Taizé và Dombes, cho đến khi Nhóm quyết định họp hàng năm tại cùng một địa điểm.

Trong số những nhân vật từng thuộc về Nhóm trong quá khứ hoặc hiện tại, phải kể đến những nhà thần học Tin Lành vĩ đại : Robert Bosc, Hébert Roux, Henry Bruston, Marc Lods, André Benoit, Max Thurian. Tiếp theo đó, Nhóm còn có Daniel Atger, Louis Lévrier và Alain Blancy. Về phía Công giáo, có thể kể đến hai đại đệ tử của Cha Couturier là Maurice Villain và Pierre Michalon, rồi đến Joseph de Baciocchi, Gustave Martelet, René Girault, André Fabre, Maurice Jourjon, René Beaupère, Henri Denis, Bruno Chenu. Nhưng đây đặc biệt là những nhân vật nổi tiếng trong quá khứ : Nhóm liên tục trẻ hóa và hiện tại bao gồm một đội ngũ vững mạnh mà không thể kể hết tên tất cả.

Câu hỏi về sự tham gia của phụ nữ thường được đặt ra trong Nhóm này. Một khó khăn nảy sinh do nhà khách Dombes nằm trong khu vực kín một tu viện trong thời gian dài : phụ nữ không được phép vào đó ! Nhưng theo thời gian, rào cản này cuối cùng cũng được dỡ bỏ và

một số người phụ nữ được mời đóng góp trong phạm vi khả năng của mình, đặc biệt là cho tài liệu về Đức Trinh Nữ Maria. Nhóm hiện có hai người Tin Lành và ba người Công giáo, con số này dự kiến sẽ tăng lên trong tương lai.

Phương pháp làm việc và những giả định thần học

Tôi sẽ tóm tắt trong chín điểm ngắn gọn về những niềm tin và nguyên tắc thúc đẩy công việc của Nhóm:

1. Ưu tiên cho việc cầu nguyện : Cha Couturier đã nói về một nền thần học «tràn ngập lời cầu nguyện». Do đó, cầu nguyện chung giữ một vị trí quan trọng trong cuộc sống các cuộc hội họp của chúng tôi, gắn chặt với lời cầu nguyện của Cộng đồng chào đón nó.

2. Một bầu không khí hữu nghị trong đó chúng ta có thể kể cho nhau nghe mọi điều, kể cả những đau khổ của Giáo hội chúng ta. Lòng bác ái thực sự cần thiết trong quá trình tìm kiếm chân lý. Chúng ta cần nhau để sống trọn vẹn hơn trong sự thật. Lịch sử cũng cho thấy rằng sự thiếu bác ái giữa những người Kitô hữu và bầu không khí xung đột ban đầu gây ra sự ly giáo thường có chiều hướng biện minh bằng giáo lý. Đây là quá trình ngược lại cần phải được thực hiện trong hoạt động đại kết ngày nay.

3. Từ bỏ thần học gây tranh cãi để ủng hộ sự khiêm tốn nhân từ và cởi mở. Trong thần học gây tranh cãi, mỗi bên đều muốn chứng minh mình đúng và bên kia sai. «Tôi sẽ thuyết phục họ bằng những lập luận không thể thuyết phục», Bossuet đã từng nói với những người Tin Lành. Trong thần học đại kết, mỗi bên cố gắng tìm hiểu lý do của bên kia và nhận ra những điểm mà bên kia có thể sai. «Tôi có lỗi của tôi, người khác có lý do của họ». Tôi cũng biết rằng tôi có thể sai trong cách tôi đúng. Vì vậy, tôi cố gắng đi vào ý định về đức tin của người bạn đồng hành và làm giàu cho bản thân mình bằng tất cả sự thật tồn tại trong người ấy.

4. Do đó, mọi công việc đều được ghi khắc trong thái độ *hoán cải*. Về vấn đề này, Nhóm phân biệt giữa sự *hoán cải Kitô giáo* cơ bản, sự *hoán cải theo đức tin* và sự *hoán cải theo giáo hội*. Đây là lý do tại sao mỗi văn kiện đều có ý định kết hợp nghiên cứu giáo lý nghiêm ngặt với đề xuất hoán cải về các điểm thực tế được gửi đến từng Giáo hội. Quá trình chuyển đổi mà Nhóm mời độc giả tham gia là một công việc dài hạn liên quan đến *ngôn ngữ* (vì một số từ bị mắc kẹt bởi những xung đột trong quá khứ), *trí nhớ* và *tư duy*.

5. Cách tiếp cận này nhằm mục đích tránh xa sự đối lập đơn thuần giữa *tất cả hoặc không có gì*, đôi khi là khó khăn khi đối thoại với chính thống giáo. Chúng tôi lưu ý rằng chúng tôi đồng ý về điểm A ; và từ đó chúng ta cố gắng đạt được thỏa thuận rộng hơn về điểm B.

6. Việc *sử dụng Kinh Thánh* là điều cần thiết trong quá trình này, nhưng phải tinh tế. Thật vậy, mỗi bên đều có nguy cơ tự phát và ngay lập tức chuyển quan điểm tuyên xưng của mình sang Kinh Thánh. Vì vậy mà chúng tôi đã lựa chọn, thông qua kinh nghiệm, cho một môi quan hệ trung gian với Kinh thánh, bằng cách đầu tiên đề xuất một hành trình lịch sử cho phép chúng ta xem xét lại quá khứ chung và quá khứ tuyên tín của chúng ta kể từ khi chia cắt, để chuyển đổi ký ức của chúng ta hướng tới chúng và nhận thức rõ hơn về những định kiến tương ứng của chúng ta. Do đó, lịch sử giúp chúng ta thực sự phân biệt được dữ liệu của Kinh thánh. Nó cũng đặt chúng ta vào trung tâm của vấn đề khó khăn về mối quan hệ giữa Kinh thánh và truyền thống.

7. Sự tập trung vào Chúa Kitô cho phép chúng ta thực hiện phép loại suy về đức tin. Mọi sự đều quy hướng về Đấng Kitô, Con Thiên Chúa được xưng nhận và là người thật. Mọi thứ đều phải tuân theo sự xác minh này để đảm bảo tính nhất quán của đức tin trong các chương

khác nhau.

8. Nguyên lý giáo điều : Thánh Tôma dạy rằng đức tin không dừng lại ở lời nói mà ở thực tế. Các công thức của công đồng được hiểu theo nghĩa này. Ngôn ngữ luôn là sự trung gian chứa đựng một mục đích vượt lên trên chính nó. Khi một công thức không còn có thể thực sự hiểu được nữa, người ta phải tìm cách diễn đạt theo một cách khác thực tế bất khả diễn đạt mà nó muốn truyền tải. Theo tinh thần tương tự, chúng ta phải tính đến hệ thống các chân lý : bởi vì đức tin không phải là một danh mục, mà là một sinh vật sống, trong đó mỗi sự thật có một vị trí xác định và khác biệt liên quan đến trung tâm của quan điểm.

9. Sau cùng, tôi muốn đề cập đến nguyên tắc tích hợp. Đối thoại đại kết không giống như một cuộc đàm phán kinh tế, trong đó mỗi bên nhượng bộ để đạt được những điều khác từ đối tác. Nó không nhằm mục đích thiết lập mẫu số chung thấp nhất. Như J. de Baciocchi đã nói một cách rất đúng, ông lập một danh mục tất cả dữ liệu về những nguyên nhân được coi là không thể quy định, để tích hợp chúng thành một chân lý chung, không phải là thứ gì đó tụt hậu mà là thứ gì đó đi trước chúng ta, trong một Kitô giáo thuần túy hơn, đòi hỏi nhiều hơn về mặt tâm linh và trí tuệ, cũng như cân bằng

hơn.

Chuẩn bị tài liệu về Mẹ Maria

Tại sao lại chọn chủ đề này, một chủ đề đặc biệt khó và cho đến nay, ngoại trừ một trường hợp, chưa bao giờ là chủ đề của một tác phẩm đại kết đúng nghĩa ? Bởi vì chủ đề về Đức Trinh Nữ Maria tượng trưng cho bản chất của cuộc tranh chấp còn tồn tại giữa người Công giáo và Tin lành. K. Barth đã thấy rất rõ điều đó : với Đức Trinh Nữ Maria, sự công chính chỉ bởi đức tin là vấn đề phía tự do đáp trả của người được nên công chính, và những gì áp dụng cho vai trò của Đức Maria trong sự cứu rỗi cũng áp dụng tương tự cho Giáo hội.

Điểm khởi đầu của sự phản ánh này là nhân học. Bà Nobécourt-Granier, nhà phân tích tâm lý, đã tiết lộ cho chúng ta biết về lời nguyện trong Kinh thánh ảnh hưởng đến việc truyền đời từ mẹ sang con gái. Mẹ Maria xuất hiện như người giải thoát nhân loại khỏi lời nguyện này. Sau đó, Nhóm đã dành nhiều thời gian để nói về vị trí của Đức Maria trong đời sống Giáo hội ở nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, từ thời các giáo phụ đến thời Trung cổ và từ đầu thời hiện đại cho đến ngày nay, với sự kế thừa của nhiều phong trào về Đức Mẹ trong những thế kỷ gần đây. Việc nghiên cứu Kinh thánh được tiến hành hết sức nghiêm ngặt và France

Quéré được mời gọi đọc lại những câu chuyện về thời thơ ấu của Chúa Giêsu.

Rất nhanh chóng, chúng tôi nhận ra rằng cần phải đưa ra phần kếp trong văn kiện sắp tới : trước tiên là nói lên điều mà tất cả chúng ta có thể cùng nhau tuyên xưng trong đức tin về Đức Trinh Nữ Maria ; sau đó giải quyết dứt khoát những điểm còn bất đồng.

Mục sư Alain Blancy, đồng chủ tịch Tin lành của Nhóm, đã đề xuất một cách sáng suốt việc xây dựng phần đầu tiên trên mối quan hệ giữa Kinh thánh và lời tuyên xưng đức tin. Điều này cho phép chúng ta nhấn mạnh, liên quan đến điều khoản đầu tiên, địa vị của Đức Trinh Nữ Maria, người phụ nữ, người Do Thái và là mẹ ; trình bày, trong bài viết thứ hai, bình luận về thành ngữ «được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần, sinh ra bởi Đức Trinh Nữ Maria» cùng với những câu chuyện thời thơ ấu và toàn bộ hồ sơ về Đức Mẹ Maria trong Tân Ước ; và cuối cùng là đưa Đức Maria vào Lễ Ngũ Tuần, giữa các tông đồ và vào sự hiệp thông của các thánh. Đây là sự thực hiện tốt mối quan hệ cơ bản giữa nhiều Kinh thánh khác nhau và công thức ngắn gọn của lời tuyên xưng đức tin tóm tắt chúng theo trục cốt lõi của chúng.

Cuộc tranh luận nhanh chóng được xác định theo bốn vấn đề cơ bản : sự hợp tác của Đức Maria trong công cuộc cứu rỗi, sự đồng trinh trọn đời của Mẹ, các tín điều gần đây về Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội và Đức Mẹ Hòn xác Lên trời ; và cuối cùng là lời cầu khẩn Đức Mẹ Maria. Tôi cũng nhớ cuộc thảo luận bàn tròn đặc biệt cảm động trong đó mọi người đều cố gắng bày tỏ thái độ cá nhân và mối quan hệ tâm linh của mình với Đức Trinh Nữ Maria.

2.2. Phần đầu của văn bản : từ lịch sử đến Kinh thánh ³⁴

Như tôi đã nói, phần đầu tiên này được đặt dưới dấu hiệu của sự đồng thuận và đức tin chung. Cần phải chứng minh rằng điều gắn kết chúng ta trong Đức Trinh Nữ Maria mạnh mẽ hơn nhiều so với điều chia rẽ chúng ta. Người ta cũng cần phải phủ nhận sự đối lập phi lý theo đó người Công giáo «tin» vào Đức Trinh Nữ Maria còn người Tin Lành «không tin» vào Mẹ và từ

34 Chúng ta hãy nhớ lại rằng tài liệu này bao gồm hai phần được xuất bản trong hai giai đoạn : 1. «Mẹ Maria... Trong Lịch sử và Kinh thánh» (số 1-203), Bayard, 1997; và 2. «Mẹ Maria... Tranh cãi và hoán cải» (số 204-338), Bayard, 1998. Hai tập này đã được tái bản thành một tập duy nhất, *Mẹ Maria trong chương trình của Thiên Chúa và các thánh thông công*, Bayard, 1999.

chối Mẹ. Thuật ngữ *tin* bên cạnh đó còn mơ hồ trong cả hai trường hợp, vì cuối cùng đức tin chỉ hướng đến một mình Thiên Chúa mà thôi.

Những bài học ngạc nhiên của lịch sử

Vì những lý do tôi đã nêu ở trên, lời chứng của lịch sử được trình bày trước lời chứng của Kinh thánh. Thật vậy, điều quan trọng là phải «dọn dẹp mặt bằng» thông qua một hành trình lịch sử, nơi mọi người đều có can đảm thừa nhận lời tuyên xưng đức tin của Giáo hội cổ đại và nhận thức được định hướng của riêng mình trong quá trình phát triển lịch sử, nơi những người giỏi nhất đã tiếp xúc với những người tệ nhất.

Trong câu chuyện này, có điều gì đó mới mẻ mà mọi người cần học. Văn học ngụ thư của Kitô giáo - hiện là chủ đề của nhiều nghiên cứu ở phía Tin lành - được dành một vị trí quan trọng không phải với mục đích đánh giá theo nghĩa đen, mà vì đây là một trong những nơi phản ánh về Đức Mẹ Maria thời cổ đại. Chúng ta cũng phát hiện ra rằng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã được Công đồng Basel (1431-1449) định nghĩa lần đầu tiên, trước thời Cải cách ; nhưng định nghĩa này không được giữ lại, vì công đồng *theo chủ nghĩa công đồng*³⁵ này vào thời điểm đó đã ly khai với giáo hoàng.

35 Chủ nghĩa công đồng, vì họ giữ quan điểm quyền tối cao về

Chúng ta cũng có thể thấy rằng Đức Trinh Nữ Maria không phải là nguyên nhân gây ra sự chia rẽ trong thế kỷ 16 : những nhà Cải cách vĩ đại có thái độ tích cực đối với con người của Đức Mẹ Maria và tôn trọng những khẳng định giáo lý quan trọng của Giáo hội thời bấy giờ liên quan đến Mẹ. Họ giữ sự đồng trình trọn đời của Đức Mẹ Maria. Mặt khác, họ chỉ trích mạnh mẽ lòng sùng kính Đức Mẹ có từ thời Trung Cổ, lên án sự «trượt dốc» khỏi chủ nghĩa lấy Đức Kitô làm trung tâm cần thiết của đức tin Kitô giáo. Những người Công giáo có hiểu biết vào thế kỷ 16, chẳng hạn như Thánh Phê-rô Canisius, cũng phản đối sự sùng kính thái quá thiếu suy nghĩ đối với Đức Mẹ. Vào thế kỷ 17, nhà thần học Cải cách Charles Drelincourt đã viết một chuyên luận ngắn có tựa đề *Về sự tôn vinh phải dành cho Đức Trinh Nữ Maria*. Quan điểm của đạo Tin Lành chỉ trở nên cực đoan vào thế kỷ 18. Về phần mình, người Công giáo đã phát hiện ra nhiều điểm mơ hồ đánh dấu các phong trào Mẹ Maria liên tiếp từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 và thế kỷ 20. Có phải một giám mục thế kỷ 19 đã gọi Mẹ Maria là «ngôi thứ tư của Chúa Ba Ngôi»? Do đó, họ được mời gọi phân định đúng đắn những đòi hỏi của đức tin vào Đức Kitô khi chúng ta nói về Mẹ của Người, và nghiêm túc xem xét «bước ngoặt» về Mẹ Maria, đó là bước

mặt pháp lý và giáo lý của công đồng so với giáo hoàng.

ngoặt của Giáo hội Công giáo tại Công đồng Vatican II. Các tín hữu Tin lành cũng được mời gọi khám phá nhiều hơn những sắc thái trong cách diễn giải đơn giản thường được đưa ra về truyền thống của họ.

Độc Kinh Thánh trong tuyên xưng đức tin

Cuộc hành trình theo Kinh Thánh sau đó được đề xuất được cấu trúc theo cách nguyên bản theo ba điều của Kinh Tin Kính. Ngay từ khi mới ra đời, Kinh Tin Kính luôn được trình bày như một bản tóm tắt trong một vài công thức đơn giản về giáo lý của Kinh Thánh. Mỗi quan hệ qua lại giữa Kinh thánh và lời tuyên xưng đức tin do đó là sợi chỉ dẫn cho sự phát triển, với hy vọng cập nhật đức tin chung của chúng ta về vị trí của Đức Trinh Nữ trong mầu nhiệm Kitô giáo.

Đây là một sự chiêm nghiệm sâu sắc về các văn bản Kinh thánh về Đức Mẹ Maria, dựa trên những lời chú giải đã được xác minh và cập nhật, nhưng có mục đích là kín đáo và không phô trương sự uyên bác. Bài suy ngẫm này chỉ đơn giản là một *câu chuyện* : nó kể về công trình cứu rỗi của Thiên Chúa dành cho chúng ta. Phần kết luận chữ nghiêng của các phần khác nhau đều quay lại công thức «Chúng tôi tuyên xưng đức tin...». Nội dung cần nói về điều thứ hai của Tuyên xưng là cần thiết và là sự phát triển lâu dài nhất.

Bài viết đầu tiên và bài viết thứ ba có tính sáng tạo hơn. Đầu tiên, chúng ta có thể định vị Đức Maria như một tạo vật, một người phụ nữ của thế giới chúng ta, người đã hoàn toàn đảm nhận thân phận nữ tính của thời đại mình, một người con gái của dân tộc Do Thái, người đã đảm nhận lời cầu nguyện của những người phụ nữ trong dân tộc mình, và cuối cùng là một người vợ và một người mẹ. Mẹ đứng về phía con người. Không giống như một số nhân vật nữ trong Cựu Ước, Mẹ Maria có một hoàn cảnh rất bình thường : Mẹ thuộc dân tộc nghèo của Do Thái. Trong phần này, mối liên hệ giữa Kinh thánh và Đức Maria kín đáo hơn, nhưng văn bản có ý định đặt Đức Maria vào phạm trù tạo vật một cách rõ ràng.

Điều thứ ba của Kinh Tin Kính dành cho Chúa Thánh Thần và tuyên xưng sự hiệp thông của các thánh. Việc đưa Đức Mẹ vào khuôn khổ của sự hiệp thông này là điều cần thiết đối với người Tin Lành và sự nhấn mạnh này được thể hiện ngay trong tiêu đề của cuốn sách nhỏ. Lời bình luận ở đây mang tính thần học rõ ràng hơn.

2.3. Phần thứ hai của văn bản : tranh chấp liên tôn

Do đó, phần thứ hai của văn bản sẽ giải quyết bốn câu hỏi liên quan đến cuộc tranh luận giữa những người Kitô hữu về Đức Mẹ Maria. Rõ ràng là Nhóm được mong đợi ở khía cạnh này. Độ tin cậy của toàn bộ tác phẩm phụ thuộc vào nó.

Sự «hợp tác» của Mẹ Maria

Điểm đầu tiên có thể sẽ làm nhiều người Công giáo ngạc nhiên thậm chí không hề nghi ngờ điều đó. Tuy nhiên, gần đây Karl Barth đã đưa ra quan điểm này một cách nghiêm túc nhất. Giáo lý Công giáo cho rằng Đức Maria, trước tiên là bằng tiếng *Xin Vâng*, sau đó là bằng vai trò mà Mẹ đảm nhiệm do thiên chức làm mẹ và Mẹ hiện diện dưới chân thánh giá, đã «hợp tác» vào việc thực hiện ơn cứu độ do Chúa Kitô thực hiện. Hiện nay, học thuyết về sự công chính bởi đức tin của Luther và Cải cách loại trừ quan điểm cho rằng bất kỳ công việc nào của con người có thể bổ sung vào công việc vĩ đại chỉ được hoàn thành bởi Chúa Kitô. Chúng ta đang ở giai đoạn trung tâm của cuộc Cải cách. Toàn bộ môi

quan hệ giữa ân sủng và tự do đang bị đe dọa ³⁶.

Tự phát, một ý thức Tin Lành - nhưng có lẽ cũng có một số người Công giáo ? - diễn giải lập trường của Công giáo như sau : Đức Maria, hành động bên cạnh và cùng với Chúa Kitô, mang viên đá của riêng mình đến để xây dựng sự cứu rỗi của chúng ta. Để rõ ràng hơn, chúng ta hãy nói rằng Chúa Kitô đã hoàn thành hầu hết mọi việc, 90%, hoặc thậm chí 99%, nhưng một phần nhỏ trong số đó thuộc về Đức Maria, người khi đó sẽ là «người đồng công cứu chuộc» với Chúa Kitô. K. Barth đã nhiều lần nói về một hành động «độc lập» của Đức

36 3. Về vấn đề này, điều tốt là biết rằng cụm từ trong Cl 1.24 thường gây khó khăn và trong một thời gian dài được dịch như sau : «Tôi hoàn thành trong xác thịt tôi những gì còn thiếu trong sự đau khổ của Đấng Kitô cho thân thể Người là Hội thánh» (Kinh Thánh Giêrusalem) hoàn toàn không có nghĩa là Phaolô sẽ phải hoàn thành bất cứ điều gì trong cuộc khổ nạn của Đấng Kitô. Văn bản này nên được dịch theo thứ tự từ của tiếng Hy Lạp : «Tôi hoàn thành những gì còn thiếu trong các cuộc khổ nạn của Chúa Kitô trong xác thịt của tôi cho thân thể của Người là Giáo hội». Những gì còn dang dở. đó là sự đồng hình đồng dạng của con người Phaolô với mẫu nhiệm khổ nạn, qua các cuộc khổ nạn tông đồ của ngài. Xem J.-N. Aletti, Thánh Phaolô. Thư gửi tín hữu Côlôxê, Gabalda. Paris, 1993, tr. 134-137.

Maria đối với hành động của Đức Kitô ³⁷. Mà một cách giải thích như vậy là một tà giáo nghiêm trọng mà giáo lý Công giáo chưa bao giờ tuyên bố. Chúng ta phải coi «đồng cứu chuộc» là một biểu hiện «có lỗi khách quan» cần phải bị lãng quên, theo gương các văn kiện giáo hoàng gần đây đã «có hệ thống gạt bỏ nó». Sẽ không vô ích khi nhắc lại điều này một cách to và rõ ràng, khi chúng ta biết rằng một phong trào kiến nghị lớn - được một số hồng y và giám mục khuyến khích - hiện đang yêu cầu Rôma đưa ra định nghĩa mang tính giáo điều về tước hiệu Đức Mẹ này và một số tước hiệu khác. Một ủy ban quốc tế do Vatican bổ nhiệm để nghiên cứu vấn đề này đã bày tỏ sự ngạc nhiên trước một yêu cầu như vậy, vốn trái ngược hoàn toàn với chỉ đạo có chủ đích của Công đồng Vatican II ³⁸.

Trên thực tế, Đức Maria luôn đứng về phía đàn ông; Mẹ cần được «cứu chuộc» như tất cả họ, ngay cả khi theo đức tin Công giáo, «sự cứu chuộc» của Mẹ diễn ra dưới hình thức bảo vệ chứ không phải thanh tẩy khỏi tội lỗi. Đức Maria là người đầu tiên được hưởng ơn cứu

37 K. Barth, *Dogmatics*. V. 1, t. 2: biên tập. *Labor et Fides*, Geneva, 1954, tập 3, tr. 131.

38 Xem *La Documentation catholique*, 2164 (1997), tr. 693-695 ; Đức Maria trong chương trình của Thiên Chúa, số. 210, chú thích 3. tr. 111.

độ của Chúa Kitô. Do đó, sự hợp tác của Mẹ hoàn toàn đứng về phía sự đáp trả tự do của đức tin. Sáng kiến cứu rỗi được thực hiện 100% bởi Chúa Kitô. Thánh Augustine chẳng đã nói rằng «khi Thiên Chúa ban thưởng cho công trạng của chúng ta, Ngài không trao vương miện nào ngoài những hồng ân của chính mình³⁹»? Do đó, sự hợp tác của Mẹ Maria không thể «độc lập»: nó hoàn toàn là hoa trái ân sủng của Thiên Chúa. Sự hợp tác có cùng một trật tự như sự hợp tác của tự do với ân sủng trong mỗi Kitô hữu, ngay cả khi đó là mô hình mẫu mực. Hợp tác với ân sủng luôn là đáp trả ân sủng trong ân sủng. Từ đáp trả ám chỉ ý tưởng về trách nhiệm và tự do. Việc chào đón là cần thiết để ân sủng trở thành ân sủng trọn vẹn. Mọi món quà phải được đón nhận để thực sự là một món quà.

Việc mở rộng vấn đề này làm cho nó thậm chí còn khó khăn hơn. Vì nó liên quan đến điểm vẫn luôn gây tranh cãi giữa người Công giáo và Tin lành : không phải sự công chính bởi ân điển qua đức tin, vốn là đối tượng của sự đồng thuận cơ bản, mà là kết quả của sự công chính nơi người được công chính. Nếu sự công chính được tiếp nhận một cách «thụ động», nó sẽ giải phóng và «tạo ra một hoạt động mới». Theo tôi, sự phát triển của văn bản này cấu thành một sự làm rõ mang tính

39 Xem số 217.

quyết định về một điểm vượt xa trường hợp của Đức Trinh Nữ Maria và có thể gây hứng thú cho cuộc đối thoại về Giáo hội. Xét về mặt giáo lý, đây chắc chắn là bước tiến quan trọng nhất trong tài liệu này.

Anh chị em của Chúa Giêsu

Sau đó là câu hỏi về việc đề cập đến anh chị em của Chúa Giêsu trong Tin Mừng, liên quan đến sự đồng trình trọn đời của Đức Maria. Trong một *câu hỏi về tình trạng* trung thực, tài liệu phân biệt bình diện lịch sử và chú giải với bình diện đức tin. Theo góc nhìn lịch sử, chúng ta phải khiêm tốn thừa nhận rằng không có bằng chứng chắc chắn nào chứng minh những anh chị em này có quan hệ họ hàng theo nghĩa hẹp, hay họ chỉ là anh em họ. «Những lập luận tích lũy từ cả hai phía đều là những giả định dễ bác bỏ ⁴⁰». Trên thực tế, điều các vị tác giả Kinh thánh quan tâm không phải là tình anh em vật chất mà là tình anh em tinh thần. Ở cấp độ đức tin, Giáo hội Công giáo và Chính thống giáo cho rằng dữ liệu trong Kinh thánh không hề mâu thuẫn với lời khẳng định đức tin xuất hiện trong Giáo hội cổ đại về vấn đề này. Sự khẳng định về đức đồng trình trọn đời chắc chắn không phải là điều có trong Kinh thánh, nhưng đó là kết quả của sự suy ngẫm của Giáo hội khi

xem xét rằng thiên chức làm mẹ bao gồm sự hiến dâng hoàn toàn của người mẹ cho con mình và khiến cho việc thực hiện sự thân mật vợ chồng là điều không thể nghĩ tới đối với Đức Maria.

Trong Kinh thánh, Đức Maria, «mẹ đồng trinh của Chúa Giêsu», đã trở thành «Đức Maria Mẹ Thiên Chúa *trọn đời đồng trinh*» trong bầu không khí của thành Êphêô.

Nhưng phần lớn người tín hữu Tin lành ngày nay - không nhất trí - tin rằng «người ta không thể dựa một lời khẳng định đức tin chắc chắn vào một chứng cứ không chắc chắn trong Kinh thánh». Tuy nhiên, một số tín hữu Tin Lành tin rằng «việc khẳng định Đức Mẹ đồng trinh trọn đời vẫn có ý nghĩa tâm linh không nên bỏ qua⁴¹». Về điểm tế nhị này, văn bản để lại cho người đọc một câu hỏi.

Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đức Mẹ Hồn xác Lên Trời : Các tín điều Công giáo

Hai tín điều Công giáo về Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội và Đức Mẹ Hồn xác Lên Trời rõ ràng là hai «phần lớn» của cuộc tranh chấp. Tài liệu này trình bày một phân tích giáo lý dài về chúng để chúng ta có thể hiểu

một cách thực sự. Bởi vì «tuân theo một giáo điều là một chuyện, hiểu nó theo nghĩa nhân học và thần học lại là chuyện khác ⁴²». Sự bất bình tự phát của người Tin Lành đối với các tín điều này là vì đã tách Mẹ Maria ra khỏi tình trạng bình thường của con người. Hai tín điều này được trình bày ở đây không phải chủ yếu là đặc quyền, mà theo ý nghĩa Kitô học của chúng (vì chúng liên quan đến sự nhập thể và phục sinh của Đức Kitô). Chúng hoàn toàn phù hợp với *sola gratia* của Kinh thánh và mang giá trị giáo hội học mạnh mẽ, vì những gì xảy ra với Đức Maria báo trước những gì đã hứa với Giáo hội, đó là sự thánh thiện và sự phục sinh. Một phân tích như vậy là cần thiết để biết liệu những giáo điều này có cấu thành nên «điều mới lạ», tức là «tà giáo», hay không. Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội là sự vượt qua giới hạn của lời khẳng định truyền thống «Mẹ Maria là Đáng hoàn toàn thánh thiện» ; sự phục sinh được hứa ban cho tất cả mọi người được trông đợi trong biến cố Đức Mẹ Hồn xác Lên Trời.

Nhưng những giáo điều này cũng phải nằm trong hệ thống các chân lý của Kitô giáo. Thực tế là định nghĩa muộn của chúng cho thấy chúng không thuộc về trung tâm của đức tin, mà chúng là hậu quả của sự nhập thể của Thiên Chúa.

Lời cầu khẩn với Mẹ Maria

Điểm cuối cùng được giữ lại là lời cầu khẩn Đức Mẹ Maria và các thánh, nghĩa là việc tôn kính Đức Mẹ. Người Công giáo phải học lại ở đây rằng nói một cách nghiêm ngặt thì người ta không «cầu nguyện» với các vị thánh, một hình thức thờ phượng chỉ nói với Thiên Chúa Ba Ngôi. Nhưng chúng ta «cầu bầu» các ngài, để các ngài cầu nguyện với Thiên Chúa cho chúng ta. Bằng chứng tuyệt vời cho điều này được cung cấp bởi kinh cầu các thánh, trong đó mỗi lời cầu nguyện đều bao gồm câu trả lời «Cầu cho chúng con», và phần thứ hai của *kinh Kính Mừng* khiến chúng ta phải nói : «Thánh Maria, Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con là kẻ có tội...»

Người Công giáo và Tin lành đều đồng ý tôn kính và noi gương Đức Mẹ Maria. Họ khác nhau khi cầu khẩn Mẹ, vì người Tin Lành từ chối mọi sự cầu bầu của các vị thánh. Nhưng sự khác biệt này có trở nên rất mong manh kể từ thời điểm lời ca ngợi Đức Mẹ Maria được chấp nhận một cách chung và khi lời chuyển cầu của các thánh cuối cùng được ghi vào lời chuyển cầu vĩ đại trên trời của Chúa Con và Chúa Thánh Thần trong chúng ta không ?

Các hoán cải cần thiết

Lời mời gọi hoán cải của các Giáo hội liên quan đến thái độ và thực hành tương ứng trong việc tôn kính Đức Mẹ, nhưng cũng và trên hết là việc đánh giá một số điểm giáo lý. Nhóm Dombes ở đây đưa ra một tiến bộ khác liên quan đến phương pháp đối thoại đại kết : đức tin nào là hoàn toàn cần thiết cho việc tái thiết sự hiệp thông trọn vẹn giữa các Giáo hội ? Chúng ta hãy giữ lại đề xuất mạnh nhất ở đây.

Quan điểm về «hệ thống chân lý», được Công đồng Vatican II khẳng định, «vì mỗi quan hệ khác biệt của chúng với nền tảng của đức tin Kitô giáo ⁴³» đóng vai trò quan trọng ở đây. Mặc dù nguyên tắc này thường được chấp nhận và lặp lại nhưng nó lại ít được áp dụng hơn nhiều. Nhóm này thực hiện điều đó ở đây trong lĩnh vực tế nhị của thần học Đức Mẹ. Câu hỏi đặt ra là liệu sự khác biệt về một điểm xa hơn nữa so với nền tảng của đức tin Kitô hữu, được một số người coi là thuộc về đức tin này nhưng những người khác thì không, có nên duy trì sự tách biệt giữa các Giáo hội hay không. Từ thời điểm những điểm chính thuộc về lời tuyên xưng đức tin ban đầu được tuyên xưng cùng nhau, chúng ta có phải coi những tín điều được công bố muộn trong

43 Nghị định *Unitatis Redintegratio*, số 11.

Giáo hội là những yếu tố phân biệt, độc lập với những tín điều khác không ?

Hai định nghĩa của Giáo hoàng năm 1854 và 1950 cho thấy rõ ràng rằng Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội và Đức Mẹ Lên trời không được tuyên xưng ngay từ đầu và rằng chúng là chủ đề của sự phát triển chậm rãi theo thời gian. Bây giờ chúng ta không thể nói rằng những người Kitô hữu thời đó không có đức tin hoàn thành. Giáo hội chưa bao giờ đặt câu hỏi về thẩm quyền của Thánh Bernard và Thánh Thomas Aquin, những người đã từ chối tin Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội. Hệ thống thứ bậc chân lý hoàn toàn có giá trị ở đây.

Điểm thỏa thuận do phía Công giáo đề xuất như sau :

Giáo hội Công giáo sẽ không coi việc chấp nhận hai tín điều này là điều kiện tiên quyết để có sự hiệp thông trọn vẹn giữa các Giáo hội. Nó chỉ yêu cầu những người cộng tác mà nó sẽ đổi mới sự hiệp thông này tôn trọng nội dung của những tín điều này, không phán đoán chúng là trái với Tin Mừng hay đức tin, nhưng xem chúng là những hậu quả tự do và hợp pháp của sự phản ánh lương tâm Công giáo về tính nhất quán của đức tin ⁴⁴.

Quan điểm này được phía Tin Lành đưa ra :

Nếu chúng ta xem xét những gì đã nói về sự hợp tác và sự công chính chỉ bởi ân điển, chúng ta có thể khẳng định rằng cách giải thích các giáo điều này không còn chứa đựng bất cứ điều gì trái ngược với sứ điệp Tin Mừng. Theo nghĩa này, những giáo điều này không tạo ra bất kỳ sự phân biệt nào ⁴⁵.

Do đó, điều cần thiết nhưng đủ là cả hai bên cùng thừa nhận rằng các tín điều Vô nhiễm Nguyên tội và Hồn xác lên trời không trái ngược với lời loan báo Tin Mừng. Những gì được một số người coi là giáo điều đức tin sẽ được những người khác coi là kết luận thần học và giáo lý hợp pháp (*theologoumenon*) mà Kinh thánh không áp đặt, nhưng giáo lý của Kinh thánh cũng không cấm điều đó.

Nguyên tắc này liên quan đến thẩm quyền của các quyết định giáo điều Công giáo được đưa ra sau khi ly khai đã được nhà thần học Joseph Ratzinger đề cập trong một lĩnh vực khác, liên quan đến cuộc đối thoại với Chính thống giáo : «Rôma không được đòi hỏi phương Đông, liên quan đến học thuyết về quyền tối thượng, nhiều hơn những gì đã được hình thành và thực hiện

trong thiên niên kỷ đầu tiên ⁴⁶». Nếu nguyên tắc giải quyết như vậy được chính thức chấp nhận là nguyên tắc chính thức của đối thoại đại kết, thì một bước quyết định sẽ được thực hiện.

Trường hợp về sự đồng trình trọn đời của Mẹ Maria phức tạp hơn, bởi vì nếu nguyên tắc về thứ bậc chân lý cũng áp dụng cho nó, thì tính cổ xưa của lời khẳng định truyền thống của nó đã đưa nó trở thành điểm đồng thuận trong đức tin, kéo dài cho đến tận sau thế kỷ 16. Tuyên bố này có phải là «rào cản đối với việc cùng thuộc về một Giáo hội» hay không ? Những người Công giáo trong Nhóm thận trọng hơn về vấn đề này : họ nhận ra rằng «đối thoại liên tôn cần được đào sâu hơn nữa về vấn đề này ⁴⁷».

Đây là những điểm nổi bật nhất của văn kiện này, vừa thận trọng vừa táo bạo. Điều này chắc chắn sẽ gây ra một số phản ứng tiêu cực từ cả hai phía, Tin Lành và Công giáo. Tuy nhiên, mong rằng có thể thuyết phục mọi người có «cái nhìn thẳng thắn» hướng về Đức Trinh Nữ Maria.

46 J. Ratzinger, Các nguyên tắc của thần học Công giáo, Paris, Téqui, 1985, tr. 222.

47 Số 302.

Còn việc «tiếp nhận» tài liệu này thì sao ? Tài liệu này đang âm thầm đi theo con đường của mình, có lẽ theo phe Công giáo nhiều hơn là Tin lành. Mỗi văn kiện đại kết giống như một chiếc chai ném xuống biển : nó chứa đựng hy vọng cho tương lai. Văn bản hiện đã được dịch sang tiếng Anh và nhận được nhiều đánh giá, phần lớn là tích cực. Các nhà thần học đã xem xét vấn đề này một cách nghiêm túc. Một dấu hiệu đáng chú ý là giải thưởng mà Giáo hoàng học viện La Mã «Marinum» đã trao tặng cho, chắc chắn là với đầy đủ hiểu biết về sự việc, vào năm 2002. Trong cuộc tranh luận về Mẹ Maria, hiện đang ở trong tình huống «bị chiếm hữu», như họ nói trong ngôn ngữ pháp lý.

Phần kết luận

Ngày nay chúng ta có thể nói về Mẹ Maria như thế nào ? Đây chính là mục đích của những trang này, nhằm đưa ra cái nhìn tổng quan về diễn ngôn hiện tại về Đức Trinh Nữ Maria, cả ở phía Công giáo và cấp độ đại kết. Một số bài học quan trọng có thể được rút ra từ sự việc này, vượt ra ngoài sự cân bằng cần thiết giữa thái độ đối lập của những người biểu tình và những kẻ cuồng tín. Công đồng Vatican II đã mời gọi chúng ta trong vấn đề này hãy tránh «mọi sự phóng đại giả tạo cũng như sự nhút nhát quá mức ⁴⁸».

Mẹ Maria không bao giờ nên bị tách biệt khỏi toàn bộ diễn ngôn của đức tin Kitô giáo, nhưng luôn luôn được đặt vào công trình cứu rỗi có trung tâm nằm ở con người của Đức Kitô. Mẹ Maria hoàn toàn «liên quan đến Thiên Chúa và Chúa Kitô» (Phaolô VI) và hoàn toàn có mối tương quan với Giáo hội. Những gì đúng với thần học cũng đúng với việc rao giảng và sùng đạo. Đức Mẹ Maria dẫn đến Chúa Kitô và các biểu tượng truyền thống luôn mô tả Mẹ bế con nhỏ trên tay hoặc bên cạnh cơ thể bầm tím của Người, được hạ xuống khỏi cây thánh giá.

48 Ánh sáng muôn dân 67

Mẹ Maria, được gọi là «mẹ của Chúa Giêsu» (Mt 2.13 ; Mc 3.31 ; Lc 1.60 ; Ga 2.1, v.v.), đã được tuyên bố là «mẹ của Thiên Chúa» (Lc 1.43) trong các sách Tin Mừng, được Giáo hội tuyên xưng là «Mẹ Thiên Chúa»: mọi điều liên quan đến Mẹ đều bắt đầu từ đó và phải quay trở về với Mẹ. Phẩm giá của con người đến từ sự lựa chọn mà họ được hưởng nhờ ân điển thuần túy của Thiên Chúa. Mọi thứ khác chỉ được biện minh ở đó và chỉ là hệ quả của nó.

Mẹ Maria phải luôn được trình bày như một thụ tạo của Thiên Chúa, như người chị em của chúng ta trong nhân loại, như con gái của Do Thái, người phụ nữ Do Thái sống theo đức tin và hy vọng của dân tộc mình, như người đã đảm nhận, với tất cả những rủi ro, với thiên chức làm mẹ. Mẹ Maria cũng là tấm gương tuyệt vời về đức tin trong Tân Ước, giống như Abraham trong Cựu Ước.

Cuối cùng, chúng ta không bao giờ được quên rằng Mẹ Maria là một nữ tỳ (Lc 1.38) trước khi được là nữ vương. Giống như Con của mình, Mẹ đã tự nguyện chọn sự hạ mình gắn liền với sứ mệnh của mình và đây là lý do tại sao mọi thế hệ đều tuyên xưng Mẹ là người có phúc.

«Khi Thiên Chúa đến gần con người theo cách cảm động, thể giới của chúng ta cáo buộc Ngài là có hành vi lăng nhăng».

Mục đích của những trang này rất rõ ràng : đánh giá suy nghĩ hiện tại về Mẹ Maria. Không đơn giản hóa những điều phức tạp và dựa vào việc đọc lại Kinh thánh, lịch sử và thần học một cách nghiêm túc. Bernard Sesboüé trình bày vắn tắt những tiến bộ của chủ nghĩa đại kết về một chủ đề vốn rất nhạy cảm trong một thời gian dài đến mức nó đã ngăn cản mọi cuộc đối thoại.

Điều này không tránh khỏi cuộc tranh cãi lâu đời về định nghĩa của Công giáo về Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội và Đức Mẹ Hồn xác Lên trời. Cũng không phải những cuộc tranh luận gần đây được nêu ra trong cuốn sách của Jacques Duquesne : vị trí thực sự của Đức Mẹ Maria trong sự nhập thể - nếu vai trò của Mẹ quá phi thường -, vấn đề về sự đồng trinh của Mẹ, của «anh chị em» Chúa Giêsu, và mối quan hệ khó khăn giữa Kinh thánh và Truyền thống.

Là nhà thần học, giáo sư tại trung tâm Sèvres ở Paris, tu sĩ Dòng Tên, Bernard Sesboüé là tác giả của nhiều tác phẩm thành công như *Đừng sợ*, Desclée de Brouwer, 1996, *Hãy tin*, Droguet et Ardant, 1999, và gần đây là *Đức Kitô hôm qua, hôm nay và ngày mai*, Desclée de Brouwer, 2004 và «*Ngoài Giáo Hội, không có sự cứu rỗi*», Desclée de Brouwer, 2004.